

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM ĐẮK LẮK



**ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TRƯỜNG**

Tên đề tài :

**TÍNH TÍCH CỰC HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT CỦA  
SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM ĐẮK LẮK**

**Chủ nhiệm đề tài : NGUYỄN THỊ NGHĨA**

**ĐẮK LẮK, 2024**

## **ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

**Họ và tên:** Nguyễn Thị Nghĩa

**Điện thoại:** 0969.009.350      **Email:** [hieunghia3010@gmail.com](mailto:hieunghia3010@gmail.com)

**Đơn vị:** Phòng Quản lý Chất lượng – Khoa học và Công nghệ, trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk.

**Tên đề tài:** Tính tích cực học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk.

**Chủ nhiệm đề tài**

Nguyễn Thị Nghĩa

## DANH MỤC KÝ HIỆU, CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	VIẾT TẮT	THUẬT NGỮ TIẾNG VIỆT
1	CĐSP	Cao đẳng Sư phạm
2	GDTC	Giáo dục thể chất
3	GV	Giảng viên
4	SL	Số lượng
5	SP	Sư phạm
6	SV	Sinh viên
7	TDTT	Thể dục thể thao
8	ĐTB	Điểm trung bình
9	TB	Trung bình
10	LC	Lịch chuẩn

## MỤC LỤC

<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b> .....	<b>1</b>
<i>1. Lý do chọn đề tài</i> .....	<i>1</i>
<i>2. Mục đích nghiên cứu</i> .....	<i>2</i>
<i>3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu</i> .....	<i>2</i>
<b>3.1. Khách thể nghiên cứu</b> .....	<b>2</b>
<b>3.2. Đối tượng nghiên cứu</b> .....	<b>2</b>
<i>4. Phạm vi nghiên cứu</i> .....	<i>2</i>
<i>5. Nhiệm vụ nghiên cứu</i> .....	<i>2</i>
<i>6. Giả thuyết khoa học</i> .....	<i>3</i>
<i>7. Phương pháp nghiên cứu</i> .....	<i>3</i>
<i>8. Cấu trúc đề tài</i> .....	<i>3</i>
<b>CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TÍNH TÍCH CỰC HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT CỦA SINH VIÊN</b> .....	<b>4</b>
<i>1.1. Vài nét về lịch sử nghiên cứu tính tích cực học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên</i> .....	<i>4</i>
<i>1.2. Một số khái niệm về Giáo dục thể chất</i> .....	<i>6</i>
<i>1.3. Các khái niệm cơ bản về tính tích cực học tập của sinh viên</i> .....	<i>7</i>
<b>1.3.1. Tính tích cực</b> .....	<b>7</b>
<b>1.3.2. Tính tích cực học tập của sinh viên</b> .....	<b>8</b>
<b>1.3.3. Tính tích cực học tập môn Giáo dục thể chất</b> .....	<b>10</b>
<b>1.3.4. Cấu trúc của tính tích cực</b> .....	<b>11</b>
<b>1.3.5. Biểu hiện của tính tích cực học tập của sinh viên</b> .....	<b>12</b>
<i>1.4. Vai trò của tính tích cực</i> .....	<i>13</i>
<b>1.4.1. Vai trò của tính tích cực trong hoạt động của con người</b> .....	<b>13</b>
<b>1.4.2. Vai trò của tính tích cực trong học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên</b>	<b>14</b>
<i>1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến tính tích cực học tập của sinh viên</i> .....	<i>15</i>
<b>1.5.1. Yếu tố chủ quan</b> .....	<b>15</b>

1.5.2. Những yếu tố khách quan .....	16
1.6. Đặc điểm về tâm sinh lý của lứa tuổi sinh viên.....	17
1.6.1. Đặc điểm về tâm lý .....	17
1.6.2. Đặc điểm về sinh lý.....	18
1.6.2.1. Hệ vận động.....	18
1.6.2.2. Hệ hô hấp .....	18
1.6.2.3. Hệ tuần hoàn, hệ bài tiết, hệ thần kinh.....	18
1.6.2.4. Hệ tim mạch.....	19
Tiểu kết chương 1.....	20
<b>CHƯƠNG 2. TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TÍNH TÍCH CỰC HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM ĐẮK LẮK .....</b>	<b>22</b>
2.1. Tổ chức nghiên cứu .....	22
2.2. Các phương pháp nghiên cứu.....	22
2.2.1. Phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu .....	22
2.2.2. Phương pháp quan sát .....	23
2.2.3. Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi.....	23
2.2.4. Phương pháp phỏng vấn sâu.....	25
2.2.5. Phương pháp toán học thống kê .....	26
Tiểu kết chương 2.....	30
<b>CHƯƠNG 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU TÍNH TÍCH CỰC HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM ĐẮK LẮK.....</b>	<b>31</b>
3.1. Vài nét về Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk.....	31
3.2. Thực trạng tích cực học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk.....	33
3.2.1. Thực trạng công tác Giáo dục thể chất của Nhà trường.....	33
3.2.1.1. Thực trạng về đội ngũ giảng viên giảng dạy môn Giáo dục thể chất. 33	
3.2.1.2. Thực trạng về chương trình Giáo dục thể chất của nhà trường.....	33

3.2.1.3. <i>Thực trạng về cơ sở vật chất phục vụ công tác Giáo dục thể chất</i> .....	35
3.2.2. <i>Thực trạng tính tích cực học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk</i> .....	35
3.2.2.1. <i>Thực trạng nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng, sự cần thiết và vai trò của môn Giáo dục thể chất trong Nhà trường</i> .....	35
3.2.2.2. <i>Thực trạng về thái độ học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên</i> .	39
3.2.2.3. <i>Thực trạng hành động học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên</i>	42
3.2.2.4. <i>Thực trạng kết quả lĩnh hội học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên</i> .....	45
3.2.3. <i>So sánh tính tích cực học tập môn Giáo dục thể chất giữa sinh viên GDMN các khóa</i> .....	47
3.2.3.1. <i>So sánh về nhận thức của sinh viên</i> .....	47
3.2.3.2. <i>So sánh thái độ học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên</i> .....	51
3.2.3.3. <i>So sánh hành động học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên</i> ....	52
3.2.3.4. <i>So sánh kết quả lĩnh hội môn Giáo dục thể chất của sinh viên</i> .....	54
3.2.4. <i>Nhận định các yếu tố ảnh hưởng đến tính tích cực học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên</i> .....	56
3.2.4.1. <i>Các yếu tố chủ quan</i> .....	56
3.2.4.2. <i>Các yếu tố khách quan</i> .....	59
3.3. <i>Một số biện pháp nhằm nâng cao tính tích cực học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên trường Cao đẳng Sư Phạm Đắk Lắk</i> .....	63
3.3.1. <i>Các biện pháp được đề xuất</i> .....	63
3.3.2. <i>Nội dung và cách thức thực hiện các biện pháp</i> .....	65
3.3.2.1. <i>Biện pháp 1: Đổi mới phương pháp giảng dạy cho sinh động, hấp dẫn để nâng cao tính tích cực trong giờ học của SV.</i> .....	65
3.3.2.2. <i>Biện pháp 2: Nâng cao nhận thức về ý nghĩa, vai trò của GDTC cho sinh viên.</i> .....	67
3.3.2.3. <i>Biện pháp 3: Tổ chức nhiều chương trình ngoại khóa nâng cao chất lượng rèn luyện TDTT của SV</i> .....	68

<i>3.3.2.4. Biện pháp 4: Rèn cho SV ý thức tự giác, nỗ lực, ý chí vượt khó trong mỗi giờ học GDTC .....</i>	<b>68</b>
<i>3.3.2.5. Biện pháp 5: Cải tạo, nâng cấp sân bãi, bổ sung dụng cụ phục vụ cho công tác giảng dạy và hoạt động TDTT. ....</i>	<b>69</b>
<i>3.3.2.6. Biện pháp 6: Nâng cao tinh thần trách nhiệm của giảng viên trong quá trình giảng dạy GDTC.....</i>	<b>70</b>
<i>3.3.2.7. Biện pháp 7: Rèn luyện phương pháp tự học, tự rèn luyện thân thể, tăng cường tập luyện TDTT ngoại khóa cho SV. ....</i>	<b>71</b>
<i>Tiểu kết chương 3.....</i>	<b>73</b>
<b>PHÂN KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ .....</b>	<b>75</b>
<i>1. Kết luận .....</i>	<b>75</b>
<i>2. Kiến nghị.....</i>	<b>75</b>
<i>2.1. Về phía nhà trường .....</i>	<b>75</b>
<i>2.2. Về phía giảng viên .....</i>	<b>76</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>77</b>
<b>PHỤ LỤC .....</b>	<b>83</b>

## DANH MỤC CÁC BẢNG

<b>Số hiệu</b>	<b>Tên bảng</b>
3.1a.	Nhận thức của SV về tầm quan trọng của môn GDTC
3.1b.	Nhận thức của SV về sự cần thiết của môn GDTC
3.2.	Nhận thức của sinh viên về vai trò của môn học GDTC
3.3.	Thái độ học tập GDTC của sinh viên
3.4.	Hành động học tập của sinh viên
3.5.	Kết quả lĩnh hội của sinh viên
3.6.	Kết quả học tập của sinh viên
3.7a.	So sánh nhận thức của SV về tầm quan trọng của môn GDTC
3.7b.	So sánh nhận thức của SV sự cần thiết của môn GDTC
3.8.	So sánh nhận thức của SV về vai trò của môn GDTC
3.9.	So sánh thái độ học tập môn GDTC của SV
3.10.	So sánh hành động học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên
3.11.	So sánh kết quả lĩnh hội môn Giáo dục thể chất của sinh viên
3.12.	So sánh kết quả học tập của SV
3.13.	Các nhân tố chủ quan ảnh hưởng tích cực học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên
3.14.	Các yếu tố khách quan ảnh hưởng tích cực học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên
3.15.	Các biện pháp được đề xuất

## DANH MỤC BIỂU ĐỒ

<b>Số hiệu</b>	<b>Tên biểu đồ</b>
3.1.	Kết quả học tập của SV
3.2.	So sánh nhận thức của SV về tầm quan trọng của môn GDTC
3.3.	So sánh kết quả học tập của SV



## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Giáo dục thể chất (GDTC) là một mặt quan trọng của nền giáo dục nước ta hướng đến mục tiêu giáo dục con người phát triển toàn diện, đó là: phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất, trong sáng về đạo đức, phong phú về tinh thần, biết yêu thích lao động và sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ tổ quốc. Nhận thấy được lợi ích to lớn và tầm quan trọng của công tác GDTC đối với con người, Đảng và Nhà nước ta đã xây dựng nền giáo dục quốc dân với hệ thống GDTC xuyên suốt từ mọi cấp học, từ mầm non cho đến đại học.

Trong hoạt động học tập nói chung và lĩnh vực GDTC nói riêng, làm thế nào để nâng cao được tính tích cực của người học đang là vấn đề rất được quan tâm, chú trọng. Bởi lẽ tính tích cực của người học là một yếu tố quan trọng có tính chất quyết định đến kết quả dạy và học. Thực tế cho thấy dù người dạy có cố gắng đến đâu nhưng nếu người học không tích cực tự tìm tòi, tự suy nghĩ lĩnh hội tri thức, tự rèn luyện kỹ năng kỹ xảo, không tự mình nghiên cứu thì kết quả đạt được cũng không cao. Tính tích cực của người học bao gồm các thành tố tâm lý như nhu cầu, động cơ, hứng thú, niềm tin, lý tưởng... Các thành tố này luôn tác động qua lại lẫn nhau và được thể hiện qua các nỗ lực nhằm cải tạo bản thân, quy định nên kết quả của quá trình học tập và rèn luyện.

Sinh viên trong các giờ học nói chung và giờ GDTC nói riêng, để có được những tri thức và kỹ năng cần thiết thì phải tích cực học tập. Chỉ có tích cực học tập thì sinh viên mới phát huy được tối đa điểm mạnh của bản thân và từng bước cải thiện, khắc phục được những khó khăn, hạn chế. Trường Cao đẳng Sư Phạm Đắk Lắk hiện nay sinh viên chính quy 100% là nữ thuộc chuyên ngành Giáo dục Mầm non, vì thế khi học tập môn GDTC các em có thể gặp những khó khăn từ phía chủ quan như các yếu tố tâm lý, thể lực không phù hợp của cá nhân; có những khó khăn từ phía khách quan như môi trường học tập, rèn luyện, các điều kiện phục vụ, nội dung, chương trình tập luyện, phương pháp tập luyện... Nếu không tích cực học tập thì bản thân mỗi sinh viên khi tập luyện sẽ dễ dàng nản

chí, sẽ không có động cơ và mục tiêu học tập đúng đắn, không tìm được phương pháp học tập phù hợp... và sẽ ảnh hưởng rất lớn đến quá trình học tập, kết quả rèn luyện cũng như không chuẩn bị được một sức khỏe tốt để làm việc sau khi ra trường.

Xuất phát từ những lý do trên, đề tài: “*Tính tích cực học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk*” được chúng tôi lựa chọn để nghiên cứu.

## **2. Mục đích nghiên cứu**

Chỉ rõ thực trạng tính tích cực học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk. Trên cơ sở khảo sát, đánh giá thực trạng tìm ra các yếu tố ảnh hưởng tới tính tích cực học tập môn Giáo dục thể chất và đề xuất một số biện pháp nâng cao tính tích cực học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên.

## **3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu**

### **3.1. Khách thể nghiên cứu**

234 sinh viên ngành GDMN khóa 47, 48, 49 đang học tập tại trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk.

### **3.2. Đối tượng nghiên cứu**

Tính tích cực học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk.

## **4. Phạm vi nghiên cứu**

Đề tài nghiên cứu tính tích cực học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk từ tháng 10/2023 đến tháng 06/2024.

## **5. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Nhiệm vụ 1: Hệ thống hóa những lý luận cơ bản về tính tích cực học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên.

Nhiệm vụ 2: Khảo sát, đánh giá thực trạng tính tích cực học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk và xác định các yếu tố ảnh hưởng tới thực trạng đó.

Nhiệm vụ 3: Đề xuất một số biện pháp nâng cao tính tích cực học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk.

## **6. Giả thuyết khoa học**

Đa số sinh viên trường CĐSP Đắk Lắk đều có biểu hiện tích cực học tập môn Giáo dục thể chất ở các mức độ khác nhau, tuy nhiên hiệu quả học tập chưa cao. Bên cạnh đó còn có một số sinh viên chưa phát huy được tính tích cực học tập môn GDTC. Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến tính tích cực học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên như: mục đích, động cơ học tập, phương pháp học tập, cách sắp xếp thời gian học tập của sinh viên...

## **7. Phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu
- Phương pháp quan sát sư phạm
- Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi
- Phương pháp phỏng vấn sâu
- Phương pháp toán học thống kê

## **8. Cấu trúc đề tài**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, kiến nghị và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung đề tài nghiên cứu được kết cấu thành 3 chương:

Chương I. Cơ sở lý luận về tính tích cực học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên.

Chương II. Phương pháp và tổ chức nghiên cứu tính tích cực học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk.

Chương III. Kết quả nghiên cứu tính tích cực học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk.

# **CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TÍNH TÍCH CỰC HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT CỦA SINH VIÊN**

## **1.1. Vài nét về lịch sử nghiên cứu tính tích cực học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên**

Nâng cao tính tích cực của sinh viên trong học tập là nhiệm vụ trọng tâm của sự nghiệp giáo dục, vấn đề này đã được nhiều nền giáo dục trên thế giới quan tâm. Có nhiều công trình nghiên cứu của nhiều tác giả ở trong và ngoài nước về tính tích cực của sinh viên trong học tập nói chung và trong lĩnh vực Giáo dục thể chất nói riêng, cụ thể:

Theo quan điểm của các nhà lý luận dạy học hiện đại, lấy sinh viên làm trung tâm không có nghĩa là hạ thấp vai trò của giảng viên. Vì bất cứ sinh viên nào cũng không vượt quá tầm của thầy. Nghiên cứu về việc ứng dụng các phương pháp dạy học phát huy tính tích cực của người học trong lĩnh vực GDTC cũng có nhiều học giả quan tâm. Nổi bật là các công trình nghiên cứu của Muler (Đức), Henry (Mỹ), Nhiếp Lâm Hồ (Trung Quốc)... Các tác giả đều khẳng định tính hiệu quả của việc ứng dụng phương pháp dạy học phát huy tính tích cực của người học vào việc dạy học GDTC và huấn luyện TT.

Các công trình nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Bảo (1995), Trần Kiều (1997), Nguyễn Kế Hào (1996), Trần Bá Hoàn (1997), Nguyễn Kỳ (1997), Nguyễn Văn Đạo (2001)... Các tác giả đã nghiên cứu từ nhiều góc độ và đối tượng khác nhau, đều khẳng định tính ưu việt, của phương pháp dạy học phát huy tính tự giác, tích cực nhận thức của người học. Ngoài ra còn có nhiều công trình nghiên cứu của bộ môn lý luận chuyên ngành GDTC như: Đỗ Hữu Trường (2005); Đông Văn Triệu (2006); Trần Thanh Tùng (2007); Phan Thanh Tin (2009); Nguyễn Song Tuấn Hải (2010); Nguyễn Thị Thương (2011);... Kết quả nghiên cứu của các công trình này là xây dựng hệ thống các chỉ tiêu, tiêu chuẩn và hệ thống các bài tập phát triển tố chất thể lực chung cho sinh viên. Các công trình nghiên cứu của các tác giả trên, dù ở lĩnh vực này hay lĩnh vực khác, song kết quả nghiên cứu cũng đã xác định được cơ sở lý luận, thực tiễn, cơ sở khoa

học, và đưa ra được những luận điểm trong lĩnh vực vận dụng phương pháp dạy học phát huy tính tích cực học tập vào giảng dạy môn GDTC trong nhà trường các cấp.

Tác giả Nguyễn Hùng Vĩ (2007), Một số biện pháp nâng cao tính tích cực trong giờ học GDTC của sinh viên không chuyên trường Đại học Bạc Liêu, luận văn thạc sĩ. Qua đề tài tác giả đã nêu lên thực trạng công tác GDTC của sinh viên không chuyên trường Đại học Bạc Liêu, thực trạng về đội ngũ giảng viên giảng dạy, cơ sở vật chất xuống cấp... Qua đó xác định các yếu tố ảnh hưởng đến lượng công tác GDTC hiện nay của trường và đề ra một số biện pháp: Nâng cấp cơ sở vật chất: sân tập, dụng cụ tập luyện; Tổ chức thi, kiểm tra đánh giá theo sự phát triển của từng cá nhân; Hội thảo đổi mới phương pháp giảng dạy (theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của người học); Tổ chức thao giảng, dự giờ của giảng viên; Tổ chức thảo luận, màn đàm để nâng cao nhận thức về môn học cho học sinh.

Nguyễn Thành Trung (2014) “Một số biện pháp nâng cao tính tích cực trong giờ học giáo dục thể chất của sinh viên trường Đại học Tây Đô”, luận văn thạc sĩ giáo dục học. Qua đề tài tác giả cho rằng ba yếu tố đánh giá học tập hiện nay được xác định là kiến thức, kỹ năng và thái độ. Đề tài nêu lên thực trạng về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thực trạng về đội ngũ giảng viên GDTC, các hoạt động ngoại khóa, qua đó xác định các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng công tác GDTC của Đại học Tây Đô. Đề tài đã đưa ra được 7 biện pháp có tính khả thi cao nhằm nâng cao tính tích cực học tập và rèn luyện của sinh viên trong giờ học GDTC: Nâng cấp cơ sở vật chất, sân tập, dụng cụ tập luyện; Tổ chức thi, đánh giá theo sự phát triển của từng cá nhân; Tổ chức các phong trào thi đua giữa các lớp; Tổ chức thao giảng dự giờ giảng viên; Tổ chức các cuộc thảo luận để nâng cao nhận thức về môn học; Hỗ trợ dụng cụ cho sinh viên luyện tập thêm ngoài giờ lên lớp; Hội thảo đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hóa người học.

Tác giả Nguyễn Hồng Đạo “Xây dựng một số biện pháp để nâng cao tính tích cực trong giờ học GDTC của sinh viên trường Đại học Kiến Trúc thành phố Hồ Chí Minh”. Đề tài đã làm rõ thực trạng thái độ học tập môn GDTC của sinh viên trường Đại học Kiến Trúc về đội ngũ giảng viên, số lượng sinh viên, cơ sở vật chất... Bên cạnh đó, tác giả đã xác định các yếu tố ảnh hưởng đến lượng công tác GDTC hiện nay của trường như số lượng sinh viên trong một lớp quá đông, sắp xếp thời gian học tập không hợp lý, năng lực sư phạm của giảng viên, thái độ và sự quan tâm của giảng viên, phương pháp giảng dạy không hứng thú, sinh viên không nhận thức được tác dụng và lợi ích của môn học.... Qua đó đề tài đã đề ra một số biện pháp nhằm khắc phục thực trạng hiện tại và nâng cao tính tích cực trong học tập của sinh viên trường đại học Kiến Trúc thành phố Hồ Chí Minh: Tăng cường đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất luyện tập; Nâng cao khả năng chuyên môn và sư phạm của giảng viên; Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực; Giảm quy mô lớp học; Mở rộng các thể loại trong chương trình giáo dục; Thiết kế chương trình giảng dạy theo hướng tăng cường sự hứng thú; Tổ chức các phong trào, cuộc thi TDDT trong nhà trường; Nâng cao sự hứng thú của sinh viên đối với GDTC.

## **1.2. Một số khái niệm về Giáo dục thể chất**

GDTC là quá trình giải quyết những nhiệm vụ giáo dục, giáo dưỡng, mà đặc điểm của quá trình này là có tất cả các dấu hiệu chung của quá trình sư phạm, tổ chức hoạt động tương ứng với các nguyên tắc sư phạm nhằm hoàn thiện thể chất, nhân cách, năng lực vận động và nâng cao khả năng làm việc và khéo dài tuổi thọ của con người [45].

Nguyễn Toán đã khái niệm: “GDTC là một bộ phận của TDDT. GDTC còn là một trong những hoạt động cơ bản, có định hướng rõ của TDDT trong xã hội, một quá trình tổ chức để truyền thụ và tiếp thu những giá trị của TDDT trong hệ thống giáo dục – giáo dưỡng chung (chủ yếu là trong nhà trường)... GDTC là một loại hình giáo dục mà nội dung chuyên biệt là dạy học vận động (động tác) và phát triển có chủ đích các tố chất vận động của con người [45].

Giờ học GDTC: là quá trình sư phạm giải quyết những nhiệm vụ giáo dục, giáo dưỡng, nhằm trang bị những kiến thức, kỹ năng hoàn thiện thể chất, nhân cách, năng lực vận động cho học sinh, sinh viên, đáp ứng yêu cầu giáo dục toàn diện trong nhà trường. Đặc thù giờ học thực hành kỹ thuật của môn học GDTC, các học phần mang tính hỗn hợp cả lý thuyết và thực hành kỹ thuật chuyên ngành, không mang tính chất thực hành đơn thuần [11].

Chương trình môn học GDTC là văn bản nhà nước đối với môn học về: mục tiêu, yêu cầu, nội dung, khối lượng kiến thức và kỹ năng, kế hoạch phân bổ, thời lượng kiến thức, phương thức tích hợp, phương tiện tương ứng theo từng cấp học, bậc học [24].

Môn học GDTC nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, hoàn thiện nhân cách, nâng cao khả năng học tập, kỹ năng hoạt động xã hội với tinh thần, thái độ tích cực, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện. Khối lượng kiến thức của chương trình học GDTC mà người học bậc Cao đẳng cần tích lũy tối thiểu là ba tín chỉ. Cơ sở giáo dục đại học quy định cụ thể khối lượng kiến thức môn học này phù hợp với yêu cầu của từng ngành đào tạo [4].

Tóm lại, chúng tôi cho rằng GDTC là quá trình sư phạm giải quyết những nhiệm vụ giáo dục, giáo dưỡng, nhằm trang bị những kiến thức, kỹ năng hoàn thiện thể chất, nhân cách, năng lực vận động cho học sinh, sinh viên, đáp ứng yêu cầu giáo dục toàn diện trong nhà trường.

### **1.3. Các khái niệm cơ bản về tính tích cực học tập của sinh viên**

#### **1.3.1. Tính tích cực**

Tính tích cực là hình thức biểu hiện năng lực của con người, hiểu rõ và thực hiện hành động của mình phù hợp với các quy luật khách quan, có mục đích rõ ràng, là mức độ hay độ lớn thể hiện hoạt động của con người trong công việc. Mức độ này có thể dao động rất rộng, từ trạng thái thụ động đến chủ động có kiểm soát [5].

Trong từ điển Tiếng Việt: Tính tích cực được hiểu theo hai nghĩa: Một là chủ động hướng hoạt động nhằm cải tạo ra những thay đổi, phát triển (như tư tưởng tích cực, phương pháp tích cực). Hai là hăng hái, năng nổ với công việc (tích cực học tập, tích cực làm việc) [53].

Với tư cách là vấn đề trung tâm của nhiều khoa học, tính tích cực được bàn cãi nhiều về thuật ngữ, nguồn gốc và vai trò của nó. Về mặt thuật ngữ, theo tiếng Latinh, tích cực là “actives”, tiếng Anh có nghĩa là “activity”, dùng để chỉ trạng thái hoạt động, khi tính tích cực gắn liền với với hoạt động. Tính tích cực bao hàm tính chủ động, tính chủ định có ý thức của chủ thể. Theo từ điển Tiếng Việt, tích cực là có ý nghĩa, có tác dụng khẳng định thúc đẩy sự phát triển. Người tích cực là người tỏ ra chủ động có những hành động nhằm tạo ra sự biến đổi theo hướng phát triển [13].

Vậy có thể khẳng định: Tính tích cực là một hoạt động nhằm làm chuyển biến vị trí của con người từ thụ động sang chủ động, từ đối tượng tiếp nhận sang chủ thể tìm kiếm để nâng cao hiệu quả hoạt động [7].

### **1.3.2. Tính tích cực học tập của sinh viên**

Tính tích cực học tập là một hoạt động nhằm làm chuyển biến vị trí của người học từ thụ động sang chủ động, từ đối tượng tiếp nhận tri thức sang chủ thể tìm kiếm tri thức để nâng cao hiệu quả học tập. Tính tích cực học tập của sinh viên là ý thức tự giác, là sự kiên trì vượt qua khó khăn trong học tập, là sự xác định đúng đắn mục đích, động cơ, thái độ trong học tập [42].

Trong hoạt động học tập tính cực là tính tích cực nhận thức, đặc trưng ở khát vọng hiểu biết, cố gắng trí tuệ và nghị lực cao trong quá trình chiếm lĩnh tri thức. Quá trình nhận thức trong học tập là nhằm lĩnh hội những tri thức loài người đã tích lũy được. Tuy nhiên trong học tập, SV sẽ thông hiểu, ghi nhớ những gì đã nắm được qua sự hoạt động chủ động và nỗ lực của chính mình. Đến một trình độ nhất định thì tích cực tích học tập sẽ mang tính nghiên cứu khoa học và người học cũng sẽ tìm ra những tri thức mới cho khoa học. Tính tích cực học tập có vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả học tập của



người học. Trong học tập, tính tích cực đã được đồng đảo các nhà nghiên cứu, nhà lí luận và các thầy cô giáo quan tâm và bàn tới ở nhiều khía cạnh khác nhau. Thông qua quá trình học tập, người học nhận thức lĩnh hội tri thức mà loài người đã tích lũy, đồng thời có thể nghiên cứu và tìm ra những tri thức mới cho khoa học. Bản chất việc học và hoạt động nhận thức của người học, tính tích cực học tập xuất hiện và phát triển trong quá trình dạy học. Vì vậy mà tính tích cực học tập chính là tính tích cực nhận thức [30].

Dưới góc độ Triết học, tính tích cực học tập thể hiện thái độ cải tạo của chủ thể đối với đối tượng nhận thức. Tài liệu học tập được phản ánh vào não của người học, được chế biến và hoà vào vốn khái niệm đã có và người học sẽ vận dụng linh hoạt sáng tạo vào các tình huống khác nhau nhằm cải tạo hiện thực và cải tạo bản thân [44].

Dưới góc độ Tâm lý học, các tác giả cho rằng tích cực học tập được tiến hành trên cơ sở huy động các chức năng nhận thức, tình cảm, ý chí.. Các yếu tố của chúng kết hợp với nhau một cách hữu cơ, tác động, thúc đẩy nhau tạo nên mô hình tâm lý của tính tích cực học tập [50].

Theo G.S TS Thái Duy Tiên, tính tích cực học tập biểu hiện sự nỗ lực của chủ thể khi tương tác với đối tượng trong quá trình học tập, nghiên cứu; thể hiện sự nỗ lực của hoạt động trí tuệ, sự huy động ở mức độ cao các chức năng tâm lý (như hứng thú, chú ý, ý chí...) nhằm đạt được mục đích đặt ra với mức độ cao [42].

Theo tác giả Hà Thế Ngữ, tính tích cực học tập của người học là sự ý thức được nhiệm vụ học tập từng môn, từng bài nói riêng thông qua việc học tập hăng say, nhiệt tình từ đó tự mình ra sức hoàn thành nhiệm vụ học tập, tự mình khắc phục khó khăn để nắm vững tri thức, kĩ năng mới và tri giác tài liệu một cách tự giác. Tự nắm kiến thức nghĩa là dưới sự hướng dẫn của giáo viên, người học tự mình nắm bản chất của sự vật hiện tượng mà tri thức đó phản ánh, biến kiến thức thành vốn riêng của mình thành bộ phận, thuộc tính của nhân cách [35].

Tính tích cực học tập của sinh viên được hiểu ở nhiều góc độ khác nhau nhưng nhìn chung đặc trưng là sự tìm tòi có chủ đích mà kết quả của nó là sự hình thành tri thức mới và sự sáng tạo, đồng thời biểu hiện là sự hứng thú với việc tự học, hoặc nắm bắt nội dung môn học ở mức độ cao hơn do nảy sinh nhu cầu nhận thức. Tính tích cực học tập không phải chỉ là biết giải một số bài tập nào đó mà còn hiểu rõ, vận dụng trong nhiều tình huống khác nhau. Từ đó cá nhân chiếm lĩnh được phương pháp luận, đạt mục đích nhiệm vụ học tập [52], [54].

*Tóm lại:* tích cực học tập là thái độ cải tạo của chủ thể đối với khách thể thông qua sự huy động ở mức độ cao các chức năng tâm lý nhằm giải quyết vấn đề học tập - nhận thức. Người học trong quá trình tham gia học tập, vừa là khách thể, vừa là đối tượng của hoạt động dạy, vừa là chủ thể chiếm lĩnh tri thức, kỹ năng theo mục đích nhiệm vụ của quá trình dạy học. Hoạt động của người học được gọi là tích cực khi bản thân người học có tính lựa chọn đối tượng nhận thức, đề ra cho mình mục đích, nhiệm vụ cần giải quyết sau khi đã lựa chọn đối tượng và tiến hành cải tạo đối tượng nhằm giải quyết vấn đề.

### **1.3.3. Tính tích cực học tập môn Giáo dục thể chất**

Học tập môn GDTC là học kỹ năng thực hành trên cơ sở những tri thức khoa học - bất chước, tìm tòi cách giải quyết nhiệm vụ vận động. Từ đó, dẫn tới, sự sáng tạo, tìm ra cách giải quyết mới độc đáo và hữu hiệu hơn để hoàn thành nhiệm vụ vận động một cách tốt nhất [11].

Tính tích cực của người tập luyện GDTC được thể hiện qua hoạt động gắng sức để hoàn thành những nhiệm vụ học tập, rèn luyện. Nó biểu hiện qua hành động hăng hái để tự giải quyết những nhiệm vụ do kích thích nội tâm của từng người tạo nên [24].

Tích cực học tập môn GDTC là người tập tự giác thực hiện bài tập đề ra trên cơ sở hiểu rõ ý nghĩa của bài tập và phương pháp thực hiện nó; luôn hình dung ra được các bước tiếp theo để thực hiện mục tiêu đề ra khi tập luyện; có

động cơ tập luyện rõ ràng; có hứng thú bền vững để hoạt động TĐTT; có tính sáng tạo trong học tập và rèn luyện.

Tính tích cực trong trong giờ học GDTC có ý nghĩa giúp hình thành ở người tập sự tư duy sâu sắc, hứng thú bền vững và có nhu cầu đối với hoạt động thể thao, đồng thời tạo nên sự tích cực phù hợp [11].

Tóm lại, tính tích cực học tập môn GDTC được khái quát rõ qua khái niệm của các tác giả Nguyễn Toán và Phạm Danh Tôn như sau: *“Tính tích cực học tập môn Thể dục là hoạt động tự giác, gắng sức nhằm hoàn thành những nhiệm vụ học tập, rèn luyện. Tính tự lập là hình thức cao nhất của tính tích cực, biểu hiện qua hoạt động hăng hái để tự giải quyết các nhiệm vụ do kích thích nội tâm của từng người tạo nên”* [45]

#### **1.3.4. Cấu trúc của tính tích cực**

Cấu trúc tính tích cực học tập của sinh viên được tạo bởi nhiều thành tố, được nảy sinh trong quá trình học tập nhưng lại là kết quả của nhiều nguyên nhân: có những nguyên nhân phát sinh lúc học tập, có những nguyên nhân được hình thành từ quá khứ, thậm chí lịch sử dài lâu của nhân cách. Nhìn chung, tính tích cực học tập phụ thuộc và những thành tố sau: nhu cầu, động cơ, hứng thú, nhận thức, thái độ, năng lực, hành động, ý chí, sức khỏe, môi trường... Các thành tố này kết hợp với nhau tạo thành 2 mặt cơ bản của tính tích cực học tập: mặt động lực bên trong của tính tích cực học tập và mặt biểu hiện bên ngoài của tính tích cực học tập. Mặt động lực bên trong của tính tích cực học tập là tổng hợp các yếu tố tâm lý tạo thành hệ thống động lực thúc đẩy người học tích cực tiến hành các hành động học tập, quy định phương hướng, mục đích, cường độ hoạt động học tập của người học. Động lực học tập của người học được hình thành từ nhiều yếu tố, trong đó nhu cầu, động cơ, hứng thú học tập là những yếu tố cơ bản nhất. Mặt biểu hiện bên ngoài của tính tích cực được biểu hiện rõ trong quá trình người học tiến hành hoạt động học tập, trong đó, rõ nhất là trên các khía cạnh: nhận thức, thái độ, hành động học tập. Trong những thành tố trên đây, có những thành tố có thể hình thành ngay, nhưng có những nhân tố chỉ hình

thành qua một quá trình lâu dài dưới ảnh hưởng của rất nhiều tác động. Vì vậy, việc tích cực hóa hoạt động học tập của sinh viên đòi hỏi một quá trình lâu dài và toàn diện [13].

### **1.3.5. Biểu hiện của tính tích cực học tập của sinh viên**

Biểu hiện của tính tích cực học tập của sinh viên được thể hiện qua các mặt sau:

- Nhận thức học tập: xác định rõ mục đích học tập, vai trò, ý nghĩa của môn học, các yêu cầu của hoạt động này, nắm vững các biện pháp để đạt được mục đích.

- Thái độ học tập: tự giác, chủ động, độc lập, sáng tạo trong học tập; nhiệt tình, say mê trong quá trình học tập; có mong muốn được giảng viên giao thêm nhiệm vụ; có ý thức phấn đấu, khắc phục khó khăn trở ngại để vươn lên trong học tập; coi trọng khâu đọc thêm các tài liệu, làm thêm các bài tập; vui vẻ và hăng hái tham gia các hoạt động ngoại khóa, các câu lạc bộ chuyên ngành, các hội thi,... phục vụ cho việc nâng cao tri thức chuyên ngành và nghiệp vụ mà SV đang theo đuổi; luôn đánh giá, điều khiển, điều chỉnh hành vi của bản thân phù hợp với yêu cầu học tập [13].

- Hành động học tập:

+ Xây dựng kế hoạch học tập khoa học, hợp lý: xác định đúng đắn, có cơ sở khoa học khối lượng tri thức mà SV phải thu nhận, số lượng thời gian dùng để thu nhận tri thức đó, các điều kiện khác về phương tiện, tài liệu học tập... Trên cơ sở đó, SV xây dựng kế hoạch làm việc cho từng ngày, từng tuần, từng tháng, năm.

+ Tổ chức thực hiện kế hoạch có hiệu quả: SV phải huy động được ở mức độ cao các chức năng tâm lý vào việc giải quyết các nhiệm vụ học tập có hiệu quả.

+ Tự kiểm tra, điều chỉnh việc học của bản thân; tự phân tích, đánh giá các kết quả hoạt động học tập.

+ Thực hiện các hành động học tập tích cực: tập trung chú ý cao, ghi chép

bài, phát biểu ý kiến, nêu thắc mắc, tranh luận, hoàn thành những nhiệm vụ học tập, đọc thêm, làm thêm các bài tập, sáng tạo trong học tập...

#### **1.4. Vai trò của tính tích cực**

##### **1.4.1. Vai trò của tính tích cực trong hoạt động của con người**

Xã hội loài người hình thành và phát triển ngày càng cao cho đến ngày nay là nhờ tính tích cực của con người. Tính tích cực của con người biểu hiện ở chỗ con người đã chủ động sản xuất ra những của cải vật chất cần thiết cho sự tồn tại và phát triển xã hội; chủ động cải biến môi trường tự nhiên bắt chúng phục vụ mình, chủ động cải biến xã hội để xã hội ngày càng phát triển theo chiều hướng tốt đẹp hơn. Tính tích cực có vai trò rất quan trọng trong các hoạt động của con người.

- Tính tích cực giúp con người tạo động lực, duy trì sự nhiệt huyết và tinh thần sẵn sàng đón nhận các thử thách trong công việc cũng như cuộc sống. Khi tích cực, con người dễ dàng vượt qua khó khăn, không từ bỏ và có ý chí vượt khó.

- Dưới góc độ Triết học, tính tích cực nhận thức có vai trò cải tạo của chủ thể đối với nhận thức. Tài liệu học tập được phản ánh vào não của người học, được chế biến và hoà vào vốn khái niệm đã có và người học sẽ vận dụng linh hoạt sáng tạo vào các tình huống khác nhau nhằm cải tạo hiện thực và cải tạo bản thân.

- Dưới góc độ Tâm lý học, các tác giả cho rằng hoạt động nhận thức được tiến hành trên cơ sở huy động các chức năng nhận thức, tình cảm, ý chí. Bởi con người tồn tại với tư cách là một cá nhân với toàn bộ cấu trúc nhân cách của nó. Trong các chức năng trên, chức năng nhận thức đóng vai trò chủ yếu, các chức năng tâm lý khác đóng vai trò hỗ trợ. Các yếu tố của chúng kết hợp với nhau một cách hữu cơ, tác động, thúc đẩy nhau tạo nên mô hình tâm lý của hoạt động nhận thức. Mô hình này bao gồm các yếu tố: vốn tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, năng lực, phẩm chất đạo đức, ý chí, hành động của từng cá nhân. Mô hình này luôn

biến đổi, tạo nên rất nhiều dạng khác nhau tùy theo nhiệm vụ nhận thức mà người học phải thực hiện. Chính sự biến đổi liên tục bên trong của mô hình tâm lý đó đã đặc trưng cho tính tích cực nhận thức. Có nghĩa là sự biến đổi này càng mềm dẻo càng linh hoạt bao nhiêu thì càng thể hiện tính tích cực nhận thức bấy nhiêu.[38]

- Theo G.S TS. Thái Duy Tiên, tính tích cực giúp chủ thể nỗ lực trong hoạt động trí tuệ, sự huy động ở mức độ cao các chức năng tâm lý ( như hứng thú, chú ý, ý chí...) nhằm đạt được mục đích đặt ra với mức độ cao.

Tóm lại, tính tích cực có vai trò cải tạo đối với các hoạt động của chủ thể thông qua sự huy động ở mức độ cao các chức năng tâm lý nhằm giải quyết vấn đề nhận thức, thái độ, hành động. Tích cực giúp chủ thể nhận thức, đề ra cho mình mục đích, nhiệm vụ cần giải quyết sau khi đã lựa chọn đối tượng và tiến hành cải tạo đối tượng nhằm giải quyết vấn đề.

#### **1.4.2. Vai trò của tính tích cực trong học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên**

Tính tích cực có vai trò to lớn đối với công tác GDTC trường học. Nó hình thành cho sinh viên những nhận thức sâu sắc về tác dụng của môn học, tạo nên hứng thú bền vững, làm cho sinh viên xác định đúng động cơ; nảy sinh nhu cầu đối với hoạt động TDTT, giúp cho người học có thói quen gắng sức để hoàn thành nhiệm vụ học tập và rèn luyện. Từ đó, tạo cho người học thói quen chủ động, hăng hái giải quyết các nhiệm vụ học tập, tự nguyện tham gia các hoạt động TDTT ngoại khóa và các hoạt động khác của Nhà trường [14].

Tính tích cực trong trong giờ học GDTC có ý nghĩa giúp hình thành ở người tập sự tư duy sâu sắc, hứng thú bền vững và có nhu cầu đối với hoạt động thể thao, đồng thời tạo nên sự tích cực phù hợp.

Tính tích cực giúp các em không chỉ hoàn thành nhiệm vụ vận động ngay trên lớp, mà còn tạo ra sự gắng sức thi đua của các em trong tập luyện, tạo nên không khí tập luyện sôi nổi, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập từ đó hình thành và

phát triển nhóm tự học hỏi, nhóm tự tập luyện. Đây cũng là một động lực quan trọng để tạo nên những thành tích cao trong học tập và những kỳ tích trong thể thao học đường [11].

Tính tích cực của sinh viên trong giờ học GDTC có ý nghĩa quyết định hiệu quả tập luyện. Nhờ tính tích cực học tập mà sinh viên có thể đạt được nhiều tiến bộ trong học tập, rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo vận động. Do vậy, hình thành và phát huy tính tích cực của sinh viên trong giờ học là một nhiệm vụ quan trọng của giảng viên giảng dạy môn GDTC [24].

## **1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến tính tích cực học tập của sinh viên**

### **1.5.1. Yếu tố chủ quan**

*Nhu cầu học tập:* là những đòi hỏi tất yếu, khách quan, biểu hiện sự cần thiết về một cái gì đó cần được thỏa mãn của người học trong hoạt động học tập. Từ rất lâu, các nhà nghiên cứu trên các lĩnh vực khác nhau đã quan tâm đến vấn đề này. Tuy nhiên, mỗi góc độ nghiên cứu họ lại có cái nhìn khác nhau về nhu cầu học tập.

*Động cơ học tập:* Hoạt động học tập của sinh viên là hoạt động có mục đích tự giác. Muốn hoạt động học tập diễn ra một cách thuận lợi và có kết quả, phải tạo cho hoạt động này một lực thúc đẩy mạnh mẽ, đó là động cơ học tập. Động cơ học tập chính là sự thể hiện cụ thể của nhu cầu học tập, là lực thúc đẩy hoạt động học tập của sinh viên đạt kết quả cao đáp ứng yêu cầu đào tạo của nhà trường. Nhờ có động cơ học tập đúng đắn mà tính tích cực học tập của sinh viên được nâng lên. Cũng nhờ có động cơ học tập đúng đắn mà sinh viên đấu tranh có hiệu quả với các động cơ sai trái, nỗ lực hết mình vì mục đích học tập do nhà trường đề ra; tự tin hơn, tích cực trong học tập hơn, chủ động sắp xếp thời gian học tập, chủ động vượt qua các khó khăn mỗi khi gặp phải.

*Hứng thú học tập:* Hứng thú là thái độ đặc biệt của cá nhân đối với đối tượng nào đó, vừa có ý nghĩa đối với cuộc sống, vừa có khả năng mang lại hứng thú cho cá nhân trong quá trình học tập. Tính tích cực học tập của sinh viên nếu

không dựa trên hứng thú thì dễ không bền vững, dễ bị suy giảm trước các tác động tiêu cực.

*Ý thức tự giác học tập và rèn luyện của sinh viên:* là nhân tố quan trọng quyết định đến kết quả học tập. Sinh viên biết tự xây dựng kế hoạch tự học, tự ý thức hoàn thành mọi nhiệm vụ học tập được giao, chủ động và mong muốn tìm tòi thêm kiến thức.

### **1.5.2. Những yếu tố khách quan**

*Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập của giảng viên và sinh viên.* Hiện nay trong công tác giảng dạy luôn hướng đến đổi mới phương pháp dạy học, sử dụng phương pháp dạy học tích cực, hiện đại. Do đó cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập có tác động lớn đến chất lượng giảng dạy, học tập của đội ngũ GV và học tập của SV hiện nay.

*Môi trường học tập tích cực.* Tinh tích cực nhận thức biểu hiện sự nỗ lực của chủ thể khi tương tác với đối tượng trong quá trình học tập, nghiên cứu; thể hiện sự nỗ lực của hoạt động trí tuệ, sự huy động ở mức độ cao các chức năng tâm lí nhằm đạt được mục đích đặt ra với mức độ cao. Môi trường học tập tích cực cùng sự chuyên tâm của giảng viên và sự nỗ lực tập luyện của các bạn cùng lớp, cùng trường là rất quan trọng.

*Phương pháp giảng dạy của giảng viên:* Trong thời gian qua, cùng với chủ trương nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, giảng viên, Đảng ủy, lãnh đạo trường cũng đặt ra yêu cầu đội ngũ giảng viên cần thay đổi thái độ và phương pháp giảng dạy, tập trung hướng tới sự nâng cao tính chủ động, tích cực của người học trong việc tập luyện TĐTT, coi đây là mục tiêu cao nhất, đảm bảo cho sự thành công bền vững của Nhà trường, đáp ứng những yêu cầu về học tập và rèn luyện sức khỏe cho sinh viên.

*Phương pháp kiểm tra đánh giá:* sự đánh giá khách quan, công tâm của giảng viên cũng là một yếu tố góp phần khích lệ tinh thần học tập tích cực của sinh viên trong nhà trường.



*Trình độ chuyên môn của giảng viên:* đây là một yếu tố quan trọng, trình độ chuyên môn của giảng viên quyết định tới chất lượng giảng dạy của giờ học. Chất lượng giờ học tốt thì sẽ kích thích được hứng thú học tập tích cực của sinh viên.

*Việc sử dụng các phương tiện giảng dạy của giảng viên:* Việc sử dụng các phương tiện dạy học đa dạng và hợp lý sẽ giúp giờ học sinh động, hiệu quả hơn, cũng như sẽ kích thích được sự tích cực học tập của sinh viên.

## **1.6. Đặc điểm về tâm sinh lý của lứa tuổi sinh viên**

### **1.6.1. Đặc điểm về tâm lý**

Ở lứa tuổi này cơ thể của các em đã phát triển hoàn chỉnh các bộ phận, hình thành thế giới quan, ý thức đạo đức hướng về tương lai, xác định đúng đắn nhu cầu sáng tạo, mong ước cuộc sống tốt đẹp.

*Tri giác:* Ở lứa tuổi 18 - 22 tri giác chính xác, đặc biệt là động tác với nhịp điệu. Khi thực hiện động tác sinh viên có thể tự nhận thấy để chiếm lĩnh và hoàn thiện nó.

*Khả năng tập trung chú ý:* Ở lứa tuổi này chú ý có chủ định chiếm ưu thế, sự tập trung chú ý cao và linh hoạt. Khối lượng chú ý tăng dần, sự phân phối ý thức đúng mức.

*Hứng thú:* Đã phát triển cả về chiều sâu lẫn chiều rộng, mang tính bền vững, phong phú và sâu sắc hơn. Có thái độ tích cực, năng động, sẵn sàng khám phá những lĩnh vực mà mình yêu thích.

*Trí nhớ:* Ở lứa tuổi này, trí nhớ phát triển cao, tính chủ động chiếm ưu thế, biết so sánh các động tác với nhau để tìm ra điểm giống và nhau.

*Tư duy:* Tư duy trừu tượng là chủ yếu, vì vậy khi giảng dạy động tác nên sử dụng lời nói sinh động, có hình ảnh mô tả động tác, cần phân tích ngắn gọn, rõ ràng, chính xác thì sinh viên tiếp thu động tác sẽ nhanh hơn.

*Tưởng tượng:* Quá trình tưởng tượng sinh động (phản ánh khách quan và chủ quan). Trong quá trình tập luyện và vui chơi, trí tưởng tượng ngày càng phát triển

*Cảm xúc:* Lứa tuổi 18-22 có tình cảm phong phú và đa dạng. Trạng thái cảm xúc của lứa tuổi này sâu hơn so với lứa tuổi thiếu niên, đôi khi thanh niên nam nữ có xúc cảm mâu thuẫn trong lĩnh vực tế nhị này. Vì vậy, giảng viên cần giúp đỡ, sẻ chia, khuyên nhủ một cách đúng đắn để sinh viên tự ý thức và tu dưỡng đạo đức, hình thành nếp sống lành mạnh.

*Tình cảm:* Đã ổn định, biểu lộ yêu ghét rõ ràng, tôn trọng, biết động viên kịp thời và quan tâm đúng mực tới mọi người xung quanh, biết kính trên nhường dưới.

*Ý thức:* Ý thức biểu hiện trước hết có sự tự ý thức. Trong quá trình tập luyện, giảng viên cần giúp đỡ một cách phù hợp, khéo léo đối với từng sinh viên, để hình thành ở họ một biểu tượng khách quan, đúng đắn về mình.

### **1.6.2. Đặc điểm về sinh lý**

#### *1.6.2.1. Hệ vận động*

Ở lứa tuổi 18-22 cơ bắp đã phát triển tạo điều kiện để phát triển sức mạnh và sức bền, cơ thể có năng lực hoạt động cao. Tập luyện thể dục thể thao có phương pháp khoa học, có hệ thống sẽ làm tăng lực cơ cơ. Khả năng sinh học của cơ thể trưởng thành chín muồi, thích ứng với việc tập luyện các môn thể thao đặc biệt là các môn bóng.

#### *1.6.2.2. Hệ hô hấp*

Hệ hô hấp thực hiện chức năng trao đổi khí thông qua hai quá trình, hô hấp trong và hô hấp ngoài. Chức năng hô hấp thường mang đặc tính cá thể và phụ thuộc vào các yếu tố như lứa tuổi, giới tính, đặc điểm nhân chủng và quá trình rèn luyện thể chất.

Ở người trưởng thành trong lúc nghỉ ngơi, lượng tiêu thụ  $O_2$  từ 0.25 – 0.3 lít/ phút, nhưng khi vận động cơ bắp lượng tiêu thụ này có thể tăng lên đến 10 hoặc 20 lần. Mức độ oxy phụ thuộc vào cường độ vận động. Lứa tuổi này, hệ hô hấp phát triển gần như hoàn chỉnh.

#### *1.6.2.3. Hệ tuần hoàn, hệ bài tiết, hệ thần kinh*

Nhìn chung ở lứa tuổi này đã phát triển hoàn chỉnh, có năng lực hoạt động

cao và sẵn sàng vươn tới những thành tích xuất sắc trong các môn thể thao mang tính nghệ thuật như thể dục dụng cụ, thể dục nghệ thuật, cũng như các môn thể thao dưới nước, thể thao mang tính tốc độ, góp phần tăng cường sức khỏe học tập và rèn luyện thể lực. Nếu được huấn luyện và đào tạo cơ bản có phương pháp khoa học thì lứa tuổi này có nhiều đặc điểm thuận lợi để đạt thành tích tốt trong học tập, rèn luyện, tăng cường và phát triển thể lực giúp cho việc tiếp thu các môn học khác đạt hiệu quả cao hơn.

#### *1.6.2.4. Hệ tim mạch*

Cơ thể của sinh viên tuổi 18-22 thích nghi với sự tăng cường công suất hoạt động ngang bằng người lớn. Sự hồi phục của tim mạch sau khi hoạt động thể lực nói chung phụ thuộc vào độ lớn của lượng vận động. Sau những lượng vận động nhỏ, cơ thể của các em hồi phục nhanh hơn so với người lớn. Nhưng sau những lượng vận động lớn thì cơ thể các em lại hồi phục chậm hơn.

Thể tích phút dòng máu/1kg trọng lượng thể tích tương đối giảm dần theo lứa tuổi, ở độ tuổi sinh viên từ 18-22 tuổi, chỉ số này khoảng 60-70ml. Tuổi càng lớn thì lưu lượng phút và tâm thu càng cao. Ở lứa tuổi này thể tích tâm thu tối đa khoảng 120 -140ml (ngang bằng với người lớn), trong các hoạt động căng thẳng thì thể tích tâm thu có thể đạt tới 24 -28 lít/phút.

Huyết áp tăng dần theo lứa tuổi, trong độ tuổi 18-22 tuổi huyết áp tối đa là 110 -120 mmHg, còn huyết áp tối thiểu khoảng 80 - 90 mmHg.

## Tiểu kết chương 1

Nghiên cứu phân tích các cơ sở lý luận về tính tích cực học tập của sinh viên chúng tôi quan tâm tới các khái niệm: Tính tích cực là một hoạt động nhằm làm chuyển biến vị trí của con người từ thụ động sang chủ động, từ đối tượng tiếp nhận sang chủ thể tìm kiếm để nâng cao hiệu quả hoạt động. Tính tích cực học tập môn Thể dục là hoạt động tự giác, gắng sức nhằm hoàn thành những nhiệm vụ học tập, rèn luyện. Tính tự lập là hình thức cao nhất của tính tích cực, biểu hiện qua hoạt động hăng hái để tự giải quyết các nhiệm vụ do kích thích nội tâm của từng người tạo nên.

Qua phân tích các nội dung trong chương I cho thấy nâng cao tính tích cực của người học là một mục tiêu quan trọng của giáo dục ở nhà trường, đáp ứng yêu cầu về dạy học tích cực cũng như đạt hiệu quả tốt trong dạy và học. Để phát huy được tính tích cực học tập của sinh viên thì nhà trường cần chú trọng quá trình gồm: từ xác định mục tiêu, xây dựng chương trình nội dung giáo dục, lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức, quản lý kiểm tra đánh giá kết quả học tập rèn luyện của người học, điều kiện phương tiện, môi trường giáo dục, thể hiện một chiến lược giáo dục, dạy học tập trung vào tính tích cực, hứng thú hoạt động nhận thức, khuyến khích tư duy và không ngừng sáng tạo của người học thông qua tăng cường hoạt động thực tiễn, tương tác, cá biệt hoá tiềm năng, cổ vũ người học, từ đó phát huy được tính tích cực, sáng tạo ở người học góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo của nhà trường. Tính tích cực có vai trò rất quan trọng đối với hoạt động của con người, trong đó có hoạt động GDTC. Tính tích cực vừa là một phẩm chất quan trọng của nhân cách, bao gồm các thành tố tâm lý cấu tạo nên như nhu cầu, động cơ, hứng thú, niềm tin, lý tưởng... Các thành tố này của tính tích cực luôn tác động qua lại lẫn nhau, được thể hiện ở nhiều biểu hiện đa dạng của chủ thể, đồng thời quy định nên kết quả của quá trình học tập và rèn luyện của mỗi người.

Tích cực học tập giúp sinh viên chủ động chiếm lĩnh nguồn tri thức, thành thạo các kỹ năng, trang bị cho mình một hành trang nghề nghiệp vững chãi sau

này. Để giải quyết vấn đề nâng cao tính tích cực học tập môn GDTC cho sinh viên trường CĐSP Đắk Lắk cần được tiếp cận trên cơ sở khoa học và thực tiễn, đánh giá những biểu hiện của tích cực học tập của các em, xét các nhân tố ảnh hưởng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao tính tích cực học tập cho sinh viên.

## **CHƯƠNG 2. TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TÍNH TÍCH CỰC HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM ĐẮK LẮK**

### **2.1. Tổ chức nghiên cứu**

Căn cứ vào nội dung, tính chất của công việc và thời gian tiến hành, chúng tôi chia tiến trình nghiên cứu đề tài thành 4 giai đoạn chủ yếu sau:

*\* Giai đoạn 1: Từ tháng 09/2023 đến hết tháng 11/2023*

- Xác định đề tài nghiên cứu.
- Viết đề cương và bảo vệ đề cương nghiên cứu.
- Triển khai thu thập, tổng hợp các tài liệu có liên quan đến đề tài.
- Viết cấu trúc khung chi tiết cho đề tài

*\* Giai đoạn 2: Từ tháng 12/2023 đến hết tháng 02/2024*

- Viết cơ sở lý luận cho đề tài nghiên cứu.

*\* Giai đoạn 3: Từ đầu tháng 03/2024 đến hết tháng 06/2024*

- Tiến hành điều tra và phân tích thực trạng tính tích cực học tập của sinh viên, xác định các yếu tố ảnh hưởng tới thực trạng đó

*\* Giai đoạn 4: Từ tháng 07/2024 đến tháng 09/2024*

- Tiến hành xác định và đề xuất các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên.

- Hoàn thành phân tích, đánh giá, bàn luận kết quả nghiên cứu của đề tài.

### **2.2. Các phương pháp nghiên cứu**

#### **2.2.1. Phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu**

*\* Mục đích*

- Tìm hiểu lịch sử nghiên cứu vấn đề nhằm khẳng định vấn đề nghiên cứu là hoàn toàn mới không trùng lặp với các nghiên cứu trước đây đã công bố ở trong và ngoài nước.

- Xây dựng cơ sở lý luận cho đề tài, xác định khái niệm công cụ và các thuật ngữ có liên quan đến rèn luyện, nâng cao kỹ năng tự học làm cơ sở cho nghiên cứu thực tiễn...

*\* Nội dung nghiên cứu*

Phân tích, tổng hợp các tài liệu có liên quan đến vấn đề: tính tích cực, tính tích cực học tập, các khái niệm về GDTC, những yếu tố ảnh hưởng đến tính tích cực học tập của SV.

*\* Cách thức tiến hành*

- Xác định những vấn đề lí luận cần tìm hiểu, nghiên cứu.
- Xác định nguồn tài liệu sách, báo, giáo trình... trên thư viện và trên mạng Internet.
- Tiến hành đọc, phân tích, tổng hợp, phân loại và hệ thống hóa các vấn đề về có liên quan đến đề tài nghiên cứu.

**2.2.2. Phương pháp quan sát**

*\* Mục đích*

- Thu thập những biểu hiện cụ thể về vấn đề nghiên cứu.
- Chính xác hóa kết quả nghiên cứu do các phương pháp khác đem lại.
- Quan sát biểu hiện tính tích cực học tập của SV.

*\* Nội dung nghiên cứu*

- Quan sát các biểu hiện tính tích cực học tập môn GDTC của SV ở trên lớp.
- Quan sát các mức độ kỹ năng thể hiện kết quả lĩnh hội của SV.
- Các yếu tố ảnh hưởng đến tính tích cực học tập môn GDTC của SV .

*\* Cách thức tiến hành*

- Tiến hành quan sát, dự trực tiếp các giờ tập dạy, các hoạt động tập luyện ngoại khóa của SV.
- Nhờ sự cộng tác của các GV dưới sự hướng dẫn của tác giả.
- Sử dụng các thiết bị hỗ trợ như quay video, chụp ảnh, ghi âm...

**2.2.3. Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi**

*\* Mục đích*

Phương pháp được sử dụng nhằm mục đích thu thập thông tin về thực trạng tính tích cực học tập môn GDTC của SV trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk.

*\* Nội dung nghiên cứu*

- Nghiên cứu sự tự đánh giá của SV về tính tích cực học tập môn GDTC của bản thân như : về nhận thức, mức độ tích cực về hành động học tập, thái độ học tập, ... các nhân tố ảnh hưởng tới tích cực học tập của SV.

- Tham khảo ý kiến GV về mức độ tích cực học tập của SV và các nhân tố ảnh hưởng tới tích cực học tập của SV.

*\* Cách thức tiến hành*

- *Bước 1:* Xây dựng phiếu điều tra.

Chúng tôi tiến hành xây dựng 2 loại phiếu hỏi:

*Loại 1: Phiếu điều tra dành cho SV*

Phần thứ nhất: Thông tin cá nhân

+ Họ và tên

+ Giới tính, dân tộc

+ Lớp

Phần thứ hai: Phần câu hỏi

Xây dựng các câu hỏi để tìm hiểu về biểu hiện tính tích cực học tập môn GDTC của SV, mức độ ảnh hưởng của các yếu tố chủ quan, khách quan đến tính tích cực học tập môn GDTC của SV, các ý kiến SV muốn đề xuất, kiến nghị với nhà trường, Khoa GDMN, GV về các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập cho SV.

*Loại 2: Phiếu điều tra dành cho giảng viên*

Phần thứ nhất: Thông tin cá nhân

+ Họ và tên giảng viên

+ Giới tính, thâm niên công tác

+ Lĩnh vực chuyên môn

Phần thứ hai: Phần câu hỏi



Xây dựng các câu hỏi để tìm hiểu về đánh giá của GV về thực trạng mức độ tích cực học tập SV, mức độ ảnh hưởng của các yếu tố chủ quan, khách quan đến tính tích cực học tập của SV, các ý kiến GV muốn đề xuất, kiến nghị với nhà trường, Khoa GDMN về các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập cho SV.

- *Bước 2:* Tiến hành điều tra

+ Người điều tra nhắc lại mục đích yêu cầu và hướng dẫn SV trả lời.

+ Nhắc nhở, động viên SV có thái độ hợp tác, trả lời trung thực, đầy đủ các câu hỏi. Trực tiếp hướng dẫn cách trả lời và giải quyết những thắc mắc của SV trong quá trình trả lời.

+ Thu lại kết quả ngay sau khi SV trả lời xong.

- *Bước 3:* Xử lý kết quả (trình bày ở phần xử lý số liệu, cách đánh giá và phân tích kết quả ở phần sau).

#### **2.2.4. Phương pháp phỏng vấn sâu**

Chúng tôi sử dụng phương pháp này với các GV trực tiếp giảng dạy SV và chính bản thân các SV.

Khách thể phỏng vấn: Phỏng vấn 6 giảng viên giảng dạy GDTC và 20 sinh viên của nhà trường.

##### *\* Mục đích*

- Dùng phương pháp này để bổ trợ cho các phương pháp nghiên cứu khác và kiểm tra độ tin cậy của kết quả nghiên cứu.

- Thông qua kết quả nghiên cứu của phương pháp này chúng tôi thu được những thông tin sống động, nhiều mặt về khách thể nghiên cứu từ cách nhìn của GV và chính bản thân SV.

##### *\* Nội dung nghiên cứu*

- Nghiên cứu những biểu hiện tích cực học tập môn GDTC của SV.

- Đánh giá của một số GV có trách nhiệm, có tâm huyết nghề nghiệp về thực trạng tích cực học tập môn GDTC của SV.

##### *\* Cách thức tiến hành*

- Xây dựng nội dung phỏng vấn.
- Xây dựng phiếu phỏng vấn cho các đối tượng và biên bản ghi quá trình phỏng vấn. Chọn thời điểm, hình thức và nơi phỏng vấn.
- Xử lý, phân tích các nội dung phỏng vấn.

### 2.2.5. Phương pháp toán học thống kê

\* *Mục đích*: Để xử lý các số liệu thu được qua điều tra bằng phiếu điều tra, các số liệu về kết quả học tập của SV và số liệu khác.

- Phân phân tích thống kê mô tả sử dụng các chỉ số: Điểm trung bình cộng, độ lệch chuẩn, tần suất và chỉ số phần trăm của các phương án trả lời.
- Phân phân tích thống kê suy luận sử dụng các phép thống kê: Phân tích so sánh.

\* *Nội dung và cách thức tiến hành*

- *Điểm trung bình cộng (Mean)*: Cách tính này cho ra kết quả là giá trị bình quân, mục đích là để tính điểm đạt được của từng câu hỏi.

Tính giá trị trung bình cộng:

$$\bar{X} = \frac{X_1 + X_2 + X_3 + \dots + X_n}{n} = \frac{1}{n} \sum_{i=1}^n X_i$$

Trong đó:  $X_i$ : Số điểm của từng câu trả lời

$\sum X_i$ : Số điểm của tổng số câu trả lời

$n$ : Tổng số mẫu

- *Độ lệch chuẩn (Standardized Deviation)*: Kết quả của độ lệch chuẩn cho phép chúng tôi phát hiện ra sự phân tán hay mức độ tập trung của các câu trả lời trong toàn mẫu.

Tính phương sai ( $\delta^2$ ) và độ lệch chuẩn ( $\delta$ ):

$$\delta^2 = \frac{\sum (X_i - \bar{X})^2}{n-1}$$

$$\delta = \sqrt{\frac{\sum (X_i - \bar{X})^2}{n-1}}$$

Trong đó:  $X_i$ : Số điểm của từng mức độ

$\bar{X}$ : Điểm trung bình cộng

n : Tổng số mẫu

- *Tần suất, phần trăm*: Cho phép tác giả sắp xếp các phương án trả lời theo từng nhóm khách thể.

- *Phân tích thống kê suy luận*: Tác giả sử dụng các chỉ số sau trong phân tích thống kê suy luận. Phân tích so sánh: Phép so sánh được sử dụng để có thể thu được thông tin khác biệt trong các kết quả thu được về mức độ biểu hiện tính tích cực học tập của SV, từ các nhóm khách thể khác nhau bằng việc đặt cạnh nhau các giá trị trung bình, %.

### **2.3. Cách đánh giá và phân tích kết quả nghiên cứu**

Việc đánh giá tính tích cực học tập của SV đòi hỏi phải có sự phối hợp nhiều phương pháp khác nhau nhằm thu được được các kết quả định tính, định lượng như sử dụng phương pháp điều tra, khảo sát bằng bảng hỏi, bằng thang đo mức độ biểu hiện tính tích cực học tập của SV.

Tiêu chí đánh giá các mức độ của tính tích cực học tập của SV chủ yếu dựa vào việc SV có tự nhận thức, đánh giá được những biểu hiện tích cực học tập của bản thân hay không, đặc biệt là tính chủ động trong việc tích cực học tập học.

Mỗi câu hỏi nhỏ sẽ có 4 mức trả lời với số điểm như sau:

- *Về nhận thức của sinh viên*

Rất quan trọng: 4 điểm; Quan trọng: 3 điểm; Ít quan trọng: 2 điểm; Không quan trọng: 1 điểm.

Rất cần thiết: 4 điểm; Cần thiết: 3 điểm; Ít cần thiết: 2 điểm; Không cần thiết: 1 điểm

- *Về thái độ học tập của sinh viên*

Rất tập trung chú ý: 4 điểm; Tập trung chú ý: 3 điểm; Ít tập trung chú ý: 2 điểm; Không tập trung chú ý: 1 điểm.

Rất nỗ lực tự giác: 4 điểm; Nỗ lực tự giác: 3 điểm; Ít nỗ lực tự giác: 2 điểm; Không nỗ lực tự giác: 1 điểm.

Rất sốt sáng: 4 điểm; Sốt sáng: 3 điểm; Ít sốt sáng: 2 điểm; Không sốt sáng: 1 điểm.

Rất hứng thú: 4 điểm; Hứng thú: 3 điểm; Ít hứng thú: 2 điểm; Không hứng thú: 1 điểm.

Rất yêu thích: 4 điểm; Yêu thích: 3 điểm; Ít yêu thích: 2 điểm; Không yêu thích: 1 điểm.

Rất hài lòng: 4 điểm; Hài lòng: 3 điểm; Ít hài lòng: 2 điểm; Không hài lòng: 1 điểm.

- Về hành động học tập

Rất thường xuyên: 4 điểm; thường xuyên: 3 điểm; thỉnh thoảng: 2 điểm; không bao giờ: 1 điểm.

- Về kết quả lĩnh hội: Ngoài đánh giá bằng điểm số trong các kỳ thi thì sẽ đánh giá mức độ lĩnh hội các bài tập của sinh viên theo các mức sau:

Tốt: 4 điểm (Vận dụng thành thạo kỹ thuật động tác);

Khá: 3 điểm (Hiểu rõ kỹ thuật động tác);

Trung bình: 2 điểm (Ghi nhớ được kỹ thuật động tác);

Yếu: 1 điểm (Không ghi nhớ được kỹ thuật động tác).

Mức độ thực hiện kỹ thuật động tác:

Thành thạo: 4 điểm; Cơ bản đúng: 3 điểm; Thực hiện được: 2 điểm; Không thực hiện được: 1 điểm.

- Chúng tôi sử dụng điểm trung bình (TB) giữa các mức độ lựa chọn các nội dung về biểu hiện tích cực học tập của SV để đánh giá tính tích cực của sinh viên như sau:

ĐiểmTB	1 - 1.5 điểm	1.6 - 2.5 điểm	2.6 – 3.5 điểm	>3.5 điểm
Mức độ	Không quan trọng Không cần thiết Không tập trung chú ý Không nỗ lực tự giác Không sốt sáng	Ít quan trọng Ít cần thiết Ít tập trung chú ý Ít nỗ lực tự giác Ít sốt sáng	Quan trọng Cần thiết Tập trung chú ý Nỗ lực tự giác Sốt sáng	Rất quan trọng Rất cần thiết Rất tập trung chú ý Rất nỗ lực tự giác Rất sốt sáng

	Không yêu thích Không hài lòng Không thành thạo Không thường xuyên Không ảnh hưởng	Ít yêu thích Ít hài lòng Ít thành thạo Ít thường xuyên Ít ảnh hưởng	Yêu thích Hài lòng Thành thạo Thường xuyên Rất ảnh hưởng	Rất yêu thích Rất hài lòng Rất thành thạo Rất thường xuyên Rất ảnh hưởng
--	--	---	--	--

## Tiểu kết chương 2

Để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu đã đặt ra, chúng tôi tổ chức nghiên cứu theo các giai đoạn: giai đoạn nghiên cứu lý luận – giai đoạn nghiên cứu thực tiễn. Ở mỗi giai đoạn, đều xác định mục đích, nội dung và cách thức tiến hành nghiên cứu.

Về phương pháp, để đánh giá tính tích cực học tập của SV, tác giả xây dựng bảng hỏi bằng cách đưa ra biểu hiện tích cực học tập để SV tự đánh giá, đồng thời thu thập đánh giá từ phía GV. Việc đánh giá tính tích cực học tập của SV có sự phối hợp của các phương pháp: Phương pháp nghiên cứu tài liệu, phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, phương pháp phỏng vấn, phương pháp quan sát, phương pháp toán học thống kê ... nhằm xác định mức độ tích cực học tập của SV.

Các phương pháp được thực hiện theo các nguyên tắc:

- Đảm bảo tính khách quan, kết hợp tính hài hòa giữa kết quả nghiên cứu định tính và kết quả nghiên cứu định lượng.

- Các phương pháp cụ thể kết hợp thành một hệ thống phương pháp có sự bổ sung cho nhau, tạo độ tin cậy về số liệu và làm cơ sở cho các nhận xét, kết luận từ số liệu nghiên cứu.

- Phương pháp nghiên cứu phù hợp với các nhiệm vụ nghiên cứu, khách thể nghiên cứu, tương xứng với điều kiện phạm vi một đề tài của tác giả.

Thông qua kết quả đo lường bằng thang đo và các phương pháp bổ trợ khác, có thể chỉ rõ được thực trạng tính tích cực học tập của SV.

## **CHƯƠNG 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU TÍNH TÍCH CỰC HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM ĐẮK LẮK**

### **3.1. Vài nét về Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk**

Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk có tiền thân là Trường Cao đẳng Sư phạm Buôn Ma Thuột, được thành lập ngày 29 tháng 11 năm 1975 theo Quyết định số 77/QĐ - UB. Từ khi Luật Giáo dục năm 2019 có hiệu lực, Trường có sứ mạng, mục tiêu chính là đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên có trình độ cao đẳng bậc mầm non và nghiên cứu khoa học công nghệ phục vụ công tác đào tạo. Ngoài ra Trường còn đào tạo 7 ngành ngoài sư phạm có trình độ cao đẳng là: Tin học, Tài chính-Ngân hàng, Quản trị văn phòng, Tiếng Anh, Công tác xã hội, Khoa học Thư viện và Thiết bị trường học.

Hiện nay Trường có 01 Khoa, 01 tổ bộ môn trực thuộc, 04 phòng ban chức năng, 01 trường Thực hành Sư phạm Mầm non Hoa Hồng. Đội ngũ cán bộ viên chức của nhà trường có tổng số 130 người, trong đó cơ hữu là 117 người, hợp đồng là 13 người; trong đó cán bộ giảng viên là 64 người với 4 tiến sĩ, 50 thạc sĩ, 10 cử nhân. Khoa Giáo dục Mầm non giữ vai trò là Khoa mũi nhọn trong chiến lược đào tạo của Trường CĐSP Đắk Lắk, là địa chỉ tin cậy về chất lượng chuyên môn của đông đảo học sinh, sinh viên, các cơ sở chăm sóc giáo dục trẻ mầm non và các cơ quan quản lý GDMN.

Từ khi thành lập đến nay, chất lượng dạy và học luôn được nhà trường quan tâm hàng đầu. Đội ngũ cán bộ giảng viên của nhà trường thực sự là một tập thể sư phạm đoàn kết gắn bó, giàu tâm huyết, có phẩm chất năng lực trí tuệ, kinh nghiệm trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học; thường xuyên có ý thức tự học tự bồi dưỡng nâng cao trình độ, đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực. Trong những năm qua, nhà trường đã đào tạo hàng chục nghìn sinh viên; nhiều người sau khi ra trường đã trở thành những cán bộ lãnh đạo chủ chốt, những giáo viên giỏi trong ngành giáo dục tỉnh nhà và một số tỉnh Tây Nguyên. Về công tác nghiên cứu khoa học, trong 48 năm qua, tập thể cán bộ, giảng viên

đã thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu được nghiệm thu và đưa vào ứng dụng có hiệu quả. Đặc biệt những năm gần đây công tác nghiên cứu khoa học tập trung vào việc đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ dạy học hiện đại, đổi mới công tác quản lý... góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Đặc biệt, lãnh đạo nhà trường luôn quan tâm đến đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường học nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Trường có diện tích 30,5 ha, trong đó có 19,5 ha quy hoạch xây dựng cơ sở vật chất và 10,5 ha xây dựng làng sư phạm. Khi trường mới thành lập, diện tích xây dựng tiếp quản chỉ có 5.000 m<sup>2</sup>, đến nay tổng diện tích xây dựng đã lên tới 27.000 m<sup>2</sup> gồm khu giảng đường, phòng thí nghiệm, thư viện, nhà làm việc hành chính, ký túc xá sinh viên và các cơ sở hoạt động văn hóa văn nghệ, thể thao, dịch vụ cùng với hệ thống sân trường, vườn hoa khép kín đồng bộ tạo nên cảnh quan môi trường sư phạm xanh, sạch, đẹp. Nhà trường còn tăng cường đầu tư mua sắm các phương tiện dạy học hiện đại (máy vi tính, projector, nối mạng Internet, thiết bị thí nghiệm, dụng cụ thể thao, văn nghệ...) đáp ứng cơ bản yêu cầu nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và phục vụ đời sống sinh hoạt của cán bộ, viên chức và sinh viên. Nhà trường thường xuyên thực hiện quy chế dân chủ trong trường học; nghiêm túc, công khai, công bằng trong công tác quản lý tài chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Về công tác đào tạo liên kết, Nhà trường hợp tác, quan hệ đào tạo với nhiều trường Đại học có chất lượng trên cả nước để đào tạo liên thông đại học như: Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, Đại học Sư phạm Huế, Đại học Đà Nẵng, Đại học Quy Nhơn, Đại học Phú Yên, Đại học Mỹ thuật Huế, Học viện Âm nhạc Huế....

Về công tác đào tạo chính quy, năm học 2023-2024 Nhà trường có 11 lớp với 281 sinh viên ngành GDMN.



## 3.2. Thực trạng tích cực học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk

### 3.2.1. Thực trạng công tác Giáo dục thể chất của Nhà trường

#### 3.2.1.1. Thực trạng về đội ngũ giảng viên giảng dạy môn Giáo dục thể chất

Thứ nhất, về đội ngũ giảng viên: Hiện nay tại trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk có 06 giảng viên chuyên môn GDTC. Về trình độ, cả 06 giảng viên đều đạt trình độ chuẩn trở lên; trong đó có 04 giảng viên là thạc sĩ đúng chuyên ngành.

Các giảng viên của bộ môn GDTC trong nhà trường đều có thâm niên và kinh nghiệm công tác nhiều năm, đáp ứng tốt các yêu cầu về giảng dạy của nhà trường.

#### 3.2.1.2. Thực trạng về chương trình Giáo dục thể chất của nhà trường

Chương trình đào tạo sinh viên hệ chính quy của nhà trường có 03 học phần GDTC chính khóa được học ở các học kỳ I, II, và III cụ thể như sau:

##### Học phần GDTC I:

Mã học phần: MDC10

Số tín chỉ: 01

Nội dung môn học:

Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thí nghiệm, điền dã	
Đội hình đội ngũ	0	03	0	0	03
Thể dục	0	03	0	0	03
Điền kinh	0	24	0	0	24
<b>Tổng cộng</b>	04	30	0	0	30

##### Học phần GDTC II:

Mã học phần: MCD11

Số tín chỉ: 01

Nội dung môn học: Môn cầu lông

Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thí nghiệm, điền dã	
Lý thuyết chung	03	0	0	0	03
Tư thế chuẩn bị, kỹ thuật cầm vợt, kỹ thuật cầm cầu, kỹ thuật di chuyển	0	03	0	0	03
Kỹ thuật đánh cầu thấp tay bên trái, bên phải	0	06	0	0	06
Kỹ thuật đánh cầu cao tay trên đầu	0	03	0	0	0
Kỹ thuật đánh cầu cao tay bên trái, bên phải	0	06	0	0	06
Kỹ thuật giao cầu thuận tay, trái tay.	0	06	0	0	06
Hoàn thiện kỹ thuật Ôn tập	0	03	0	0	03
<b>Tổng cộng</b>	03	27	0	0	30

Học phần GDTC III:

Mã học phần: MDC12

Số tín chỉ: 02

Nội dung môn học: Môn bóng chuyên

Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thí nghiệm, điền dã	
Lý thuyết chung	0	0	0	0	0
Tư thế chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển	0	03	0	0	03
Kỹ thuật chuyên bóng cao tay.	0	09	0	0	09
Kỹ thuật chuyên bóng thấp tay.	0	06	0	0	06
Phối hợp chuyên bóng thấp và cao tay	0	03	0	0	03
Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt	0	03	0	0	03
Kỹ thuật phát bóng cao tay trước	0	03	0	0	03

mặt					
Hoàn thiện kỹ thuật Ôn tập	0	03	0	0	03
<b>Tổng cộng</b>	0	30	0	0	30

### 3.2.1.3. Thực trạng về cơ sở vật chất phục vụ công tác Giáo dục thể chất

Tiến hành thống kê tình trạng cơ sở vật chất phục vụ công tác GDTC, kết quả như sau:

STT	Tên thiết bị, dụng cụ	Số lượng	Tình trạng
1	Hố nhảy xa	02	Còn sử dụng được
2	Sân cầu lông	04	Đang hoạt động tốt
3	Sân bóng chuyền	06	Đang hoạt động tốt
4	Nhà đa chức năng	01	Đang hoạt động tốt
5	Đường chạy	01	Chưa đảm bảo quy chuẩn
6	Bóng chuyền	12	Còn sử dụng được
7	Vợt cầu lông	30	Còn sử dụng tốt
8	Gậy thể dục	60	Còn sử dụng tốt
9	Bàn đạp	06	Còn sử dụng tốt

*Tóm lại:* Qua thống kê, tình trạng cơ sở vật chất của nhà trường hiện tại vẫn đáp ứng cho công tác giảng dạy GDTC, tuy nhiên một số sân bãi, dụng cụ đã cũ, chất lượng giảm, ảnh hưởng tới phong trào hoạt động TDTT của nhà trường.

### 3.2.2. Thực trạng tính tích cực học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk

#### 3.2.2.1. Thực trạng nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng, sự cần thiết và vai trò của môn Giáo dục thể chất trong Nhà trường

Để điều tra sinh viên có nhận thức được môn Giáo dục thể chất có quan trọng hay không, tiến hành điều tra bằng phiếu hỏi theo bảng hỏi. Qua điều tra bằng phiếu hỏi kết quả thu được về mặt nhận thức của sinh viên như sau:

STT	Nội dung	SV ngành GDMN (n=234)			
		Có		Không	
1	Môn Giáo dục thể chất trong Nhà trường có quan trọng không? Vì sao?	SL	%	SL	%
				225	96,1%

**Bảng 3.1a. Nhận thức của SV về tầm quan trọng của môn GDTC**

Qua điều tra, kết quả thu được có 225 SV cho rằng môn GDTC trong Nhà trường là quan trọng, chiếm tỉ lệ 96,1%; bên cạnh đó, có 09 SV đánh giá thấp vai trò của môn GDTC trong nhà trường, cho rằng nó không quan trọng; điều này chứng tỏ còn có những SV còn chưa nhận thức đúng về vai trò của môn GDTC. Khi trả lời cho câu hỏi “vì sao” thì những SV cho rằng môn GDTC có vai trò quan trọng chỉ có những câu trả lời chung chung như: giúp khỏe mạnh hơn, đẹp hơn,...chứng tỏ nhận thức của sinh viên về vai trò, ý nghĩa của môn GDTC trong nhà trường chưa thật sự sâu sắc, chưa nắm rõ từng vai trò cụ thể của môn GDTC đối với sự phát triển của bản thân. Số SV cho rằng môn GDTC không quan trọng thì cho rằng đây chỉ là một môn học mang tính chất điều kiện và thời lượng học tập không nhiều nên vai trò của nó là không đáng kể.

Sinh viên đánh giá sự cần thiết của môn GDTC được thể hiện qua bảng sau:

STT	Nội dung	SV ngành GDMN (n=234)		
		ĐTB	Độ LC	Mức độ
1	Sự cần thiết của môn học GDTC trong Nhà trường	3.56	0.51	Rất cần thiết

**Bảng 3.1b. Nhận thức của SV về sự cần thiết của môn GDTC**

Bảng dữ liệu cho thấy thực trạng rõ ràng về nhận thức của sinh viên ngành Giáo dục Mầm Non (GDMN) đối với sự cần thiết của môn Giáo dục thể chất (GDTC) trong Nhà trường, cụ thể như sau: Điểm trung bình (ĐTB) của “Sự cần thiết của môn học GDTC” là 3.56 được sinh viên đánh giá ở mức “Rất cần thiết”; điều này cho thấy sinh viên coi GDTC là cần thiết trong chương trình học tại nhà trường. Kết quả độ lệch chuẩn từ  $0.51 < 1$  cho thấy sự tương đồng trong nhận thức về sự cần thiết của môn GDTC của sinh viên, đa số sinh viên đã nhận thức được mức độ cần thiết của GDTC đối với sự phát triển của bản thân.

Tiếp tục tiến hành điều tra, khảo sát nhận thức của sinh viên về vai trò của môn GDTC trong việc hình thành các kỹ năng cụ thể thì thu được kết quả như sau:

STT	Vai trò của môn GDTC	Sinh viên ngành GDMN (n=234)			
		ĐTB	Độ LC	Thứ bậc	Mức độ
1	Nâng cao sức khỏe, phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần	3.49	0.64	1	Quan trọng
2	Tăng cường khả năng phối hợp, hợp tác, tổ chức, phát huy tinh thần đồng đội	3.45	0.54	2	Quan trọng
3	Tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích	3.27	0.87	3	Quan trọng
4	Tạo cơ hội giao lưu, học hỏi, tăng cường khả năng giao tiếp.	3.04	0.61	4	Quan trọng
5	Tạo thói quen thường xuyên tập luyện TDTT	2.98	1.45	5	Quan trọng
6	Trang bị nền tảng thể lực, các tố chất vận động, sẵn sàng cho các hoạt động khác.	2.49	0.57	6	Ít quan trọng
7	Trang bị những kỹ năng vận động cần thiết	2.32	1.03	7	Ít quan trọng

### **Bảng 3.2. Nhận thức của sinh viên về vai trò của môn học GDTC**

Đề tài tiến hành khảo sát 234 sinh viên, dữ liệu thu được phản ánh nhận thức của sinh viên về vai trò của môn học này qua các yếu tố khác nhau. Sinh viên cho rằng vai trò của GDTC trong việc trang bị cho bản thân các kỹ năng vận động cần thiết và nền tảng thể lực là không đáng kể, có ĐTB lần lượt là “Trang bị những kỹ năng vận động cần thiết” đạt 2.32 (xếp thứ 7) và “Trang bị

nền tảng thể lực, các tố chất vận động” đạt 2.49 (xếp thứ 6), đều ở mức “Ít quan trọng”. Những điểm số này chỉ ra rằng sinh viên không đánh giá cao vai trò của GDTC trong việc giúp bản thân hình thành kỹ năng vận động cần thiết và phát triển thể lực trong bối cảnh học tập hiện tại. Bên cạnh đó thì độ lệch chuẩn chọn lựa mức độ ảnh hưởng của của GDTC lên việc trang bị những kỹ năng vận động cần thiết của SV có độ lệch chuẩn  $1.03 > 1$  chứng tỏ có sự không đồng đều trong nhận thức của các em, một số em đánh giá GDTC đóng vai trò quan trọng nhưng nhiều em khác cho rằng GDTC không đóng góp gì trong việc trang bị những kỹ năng vận động cần thiết cho các em. Điều này có thể cho thấy sự nhận thức thiếu tính cụ thể và chiều sâu trong nhận thức về vai trò của môn GDTC.

Môn GDTC được sinh viên đánh giá là có vai trò “Quan trọng” trong việc “Nâng cao sức khỏe và phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần” với ĐTB 3.49 (xếp thứ 1). Đây là một trong những vai trò quan trọng được sinh viên công nhận. Đồng thời, môn GDTC “Tạo cơ hội giao lưu, học hỏi và tăng cường khả năng giao tiếp” được sinh viên đánh giá là có ít vai trò hơn với ĐTB 3.04 (xếp thứ 4). Điều này cho thấy sinh viên đã nhận thức được lợi ích của môn học không chỉ trong việc phát triển thể chất mà còn trong việc cải thiện các kỹ năng mềm như giao lưu và hợp tác, nhưng sinh viên chưa đánh giá cao vai trò của môn GDTC trong việc tạo sân chơi cho các em để phát triển kỹ năng giao lưu, học hỏi lẫn nhau cũng như tăng cường các kỹ năng giao tiếp, điều này có thể xuất phát từ thực tế nhà trường chưa tổ chức được nhiều hoạt động TDTT ngoại khóa cho các em.

Môn GDTC cũng được sinh viên đánh giá cao về vai trò giúp các em “Tăng cường khả năng phối hợp, hợp tác, tổ chức, phát huy tinh thần đồng đội” ở mức “Quan trọng” với ĐTB 3.45 (xếp thứ 4). Thêm vào đó, GDTC còn “Tạo ra sân chơi lành mạnh và bổ ích” với vai trò “Quan trọng”, ĐTB 3.27 (xếp thứ 3). Thực trạng này cho thấy sinh viên nhận thức được vai trò của GDTC trong việc phát triển cá nhân, trong việc xây dựng kỹ năng làm việc nhóm và tạo ra môi trường giải trí lành mạnh.

Cuối cùng, vai trò của GDTC trong việc “Tạo thói quen thường xuyên tập luyện TDTT” được đánh giá là “Quan trọng” với ĐTB 2.98 (xếp thứ 5), cho thấy sự ảnh hưởng của GDTC trong việc duy trì thói quen tập luyện TDTT cho sinh viên là thấp hơn so với nhiều yếu tố khác. Độ lệch chuẩn lớn 1.45 phản ánh có sự chọn lựa khác biệt giữa các sinh viên, có nhiều sinh viên chọn mức ảnh hưởng không quan trọng bên cạnh một số sinh viên chọn mức rất quan trọng và quan trọng. Dù điểm số này vẫn nằm trong mức “Quan trọng”, nhưng có thể chỉ ra rằng sinh viên không coi đây là một vai trò có tầm ảnh hưởng lớn của môn GDTC.

Nhìn chung, sinh viên ngành GDMN đã nhận thức được tầm quan trọng và sự cần thiết của môn GDTC, trong cả việc phát triển sức khỏe toàn diện và các kỹ năng mềm. Tuy nhiên có sự phân hóa trong việc đánh giá các vai trò cụ thể của môn học trong việc giúp phát triển các kỹ năng cụ thể, một số đóng góp của GDTC còn chưa được nhận thức đầy đủ như trang bị kỹ năng vận động và nền tảng thể lực. Bên cạnh đó thì cũng còn một số sinh viên chưa nhận thức đúng tầm quan trọng của việc học GDTC cũng như tác dụng của nó đối với sự phát triển thể chất và sức khỏe của các em. Điều này phản ánh sự cần thiết phải có biện pháp giúp các em hiểu rõ hơn về vai trò và giá trị thực tiễn của môn GDTC đối với sự phát triển của bản thân, từ đó để tạo ra nhu cầu và động cơ học tập đúng đắn, thúc đẩy các em tích cực học tập một cách hiệu quả hơn.

#### *3.2.2.2. Thực trạng về thái độ học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên*

Để tìm hiểu biểu hiện thái độ học tập của sinh viên nhà trường đối với môn học GDTC, chúng tôi tiến hành phỏng vấn bằng phiếu hỏi với các tiêu chí và thu được kết quả sau:

STT	Thái độ học tập của sinh viên	Sinh viên ngành GDMN (n=234)				Giảng viên GDTC (n=6)			
		Điểm TB	Độ LC	Thứ bậc	Mức độ	Điểm TB	Độ LC	Thứ bậc	Mức độ
1	Yêu thích môn học GDTC	3.50	0.58	1	Yêu thích	3.50	0.56	1	Yêu thích
2	Hài lòng về môn học GDTC	3.40	0.55	3	Hài lòng	3.33	0.55	2	Hài lòng
3	Hứng thú đối với môn học GDTC	3.45	0.56	2	Hứng thú	3.26	0.58	3	Hứng thú
4	Tập trung chú ý trong giờ học trong giờ học GDTC	3.33	0.49	4	Chú ý	3.16	0.58	4	Chú ý
5	Nỗ lực, tự giác trong giờ học trong giờ học GDTC	3.27	0.57	5	Nỗ lực, tự giác	3.03	0.54	5	Nỗ lực, tự giác
6	Sốt sắng thực hiện bài tập được giao	2.48	0.66	6	Ít sốt sắng	2.0	0.55	6	Ít sốt sắng

**Bảng 3.3. Thái độ học tập GDTC của sinh viên**

Bảng điều tra phản ánh rõ biểu hiện thái độ học tập môn GDTC của SV với điểm TB của các chọn lựa dao động từ 2.48 – 3.50. Đa phần sinh viên đánh giá bản thân có thái độ tích cực đối với môn học trừ thái độ “Sốt sắng thực hiện bài tập được giao” được đánh giá là “Ít sốt sắng” với số điểm TB thấp nhất là 2.48 (xếp thứ 6). Cũng ở thái độ này, điều tra thu được từ các GV cũng cùng có nhận định tương đồng nhưng với số điểm TB thấp hơn, chỉ 2.0. Độ lệch chuẩn của các chọn lựa dao động từ 0.49 – 0.66 chứng tỏ có sự tương đồng giữa tất cả SV trong việc tự đánh giá thái độ học tập môn GDTC của chính mình.

Sinh viên tự đánh giá thái độ “Yêu thích với môn học GDTC” xếp ở mức thứ nhất với số điểm 3.50, là “Yêu thích”, và mức điểm TB này tiệm cận thái độ “Rất yêu thích”. Ở thái độ này, chỉ có sinh viên lựa chọn mức độ “Rất yêu thích”



và “Yêu thích”, không có sinh viên chọn “Không yêu thích”. Điều này chứng tỏ môn GDTC là một trong những môn học được sinh viên yêu thích. Điều tra về phía giảng viên cũng cho đánh giá tương tự về mức độ yêu thích của sinh viên với môn học.

Sinh viên thể hiện mức độ hứng thú khá cao với môn học GDTC với điểm TB là 3.45 (xếp thứ 2). Điều này cho thấy đa số sinh viên nhận định rằng môn học này thú vị và có sự lôi cuốn nhất định. Phỏng vấn một số SV thu được các câu trả lời như: SV T.H.T chia sẻ *“Giờ học GDTC là giờ em cảm thấy thoải mái và muốn học nhất; SV N.T. H chia sẻ “Học GDTC em được vận động và giải tỏa căng thẳng, có nhiều niềm vui hơn so với các giờ học khác”*. Giảng viên cũng ghi nhận sự hứng thú của các em trong giờ GDTC với số điểm TB là 3.26 (xếp thứ 3), thấp hơn sinh viên tự đánh giá, và cũng nhận định đây là một trong những môn học có sự lôi cuốn đối với sinh viên.

Theo kết quả nghiên cứu thu được thì sinh viên khá hài lòng với môn học GDTC, “Hài lòng về môn học GDTC” có điểm TB là 3.40 (xếp thứ 3), mức độ “Hài lòng”. Với câu hỏi *“Em có hài lòng về môn học GDTC trong nhà trường không?”* thì thu được các câu trả lời như sau: SV N.T.G nói rằng *“Bản thân hài lòng với nội dung và phương pháp lên lớp và cách kiểm tra đánh giá trong môn GDTC”*; SV N.K.V nói *“Em thích học môn GDTC và hài lòng với kết quả đạt được của mình”*. Các giảng viên bộ môn cũng đánh giá hầu hết sinh viên cảm thấy “Hài lòng” về các giờ học GDTC với số điểm TB là 3.33 (xếp thứ 3).

Sự tập trung chú ý của SV là yếu tố rất quan trọng để tạo nên một kết quả học tập tốt, qua điều tra chỉ ra thái độ “Tập trung chú ý trong giờ học GDTC” của SV có điểm TB 3.33 (xếp thứ 4), mức độ được SV nhận là “Tập trung, chú ý”. Về phía Giảng viên, sinh viên cũng được đánh giá là “Tập trung, chú ý” với điểm TB là 3.16 (xếp thứ 4). Sự tương đồng này cho thấy sinh viên có thái độ chú ý khi học GDTC nhưng chưa cao.

Nỗ lực tự giác trong giờ học GDTC là yếu tố quan trọng để xây dựng thói quen học tập tích cực và tư duy chủ động trong việc học cũng như nâng cao hiệu

quả tiếp thu và tập luyện. Tuy nhiên sự nỗ lực và tự giác của sinh viên trong giờ học GDTC chỉ đạt điểm TB là 3.27, xếp thứ 5 trong tổng thể biểu hiện thái độ học tập. Tuy giảng viên cũng đánh sự nỗ lực của sinh viên ở hạng thứ 5 trong các biểu hiện thái độ học tập nhưng là ít nỗ lực tự giác hơn với điểm TB là 3.03. Thực trạng này chỉ ra rằng sinh viên chưa thực sự nỗ lực và tự giác nhiều trong giờ học GDTC, điều này có thể xuất phát từ chính mục tiêu và động cơ học tập chưa đúng đắn của các em.

Từ những thực trạng trên thấy rằng sinh viên ngành GDMN có thái độ học tập tích cực đối với môn GDTC, và tương đối hài lòng về môn học. Tuy nhiên, sự nỗ lực tự giác trong giờ học GDTC và thái độ sốt sắng hoàn thành các bài tập được giao rất cần được cải thiện hơn nữa để nâng cao chất lượng giờ học. Việc tìm ra các biện pháp khuyến khích và tạo động lực cho sinh viên tích cực hơn trong giờ học GDTC là rất cần thiết.

*3.2.2.3. Thực trạng hành động học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên*

Để đánh giá biểu hiện tính tích cực thông qua hành động học tập của sinh viên, chúng tôi tiến hành khảo sát thu được kết quả như sau:

STT	Hành động học tập của sinh viên	Sinh viên ngành GDMN (n=234)				Giảng viên GDTC (n=6)			
		Điểm TB	Độ LC	Thứ bậc	Mức độ	Điểm TB	Độ LC	Thứ bậc	Mức độ
1	Chấp hành tốt nội quy giờ học	3.56	0.58	1	Rất thường xuyên	3.66	0.50	1	Rất thường xuyên
2	Đi học đầy đủ, đúng giờ	3.53	0.62	2	Rất thường xuyên	3.50	0.65	2	Thường xuyên
3	Hoàn thành các bài tập được giao.	3.47	0.60	3	Thường xuyên	3.33	0.78	3	Thường xuyên
4	Chăm chỉ tập luyện trong giờ học	3.46	0.59	4	Thường xuyên	3.0	0.57	4	Thường xuyên
5	Giúp đỡ bạn trong tập luyện	2.32	0.65	5	Thỉnh thoảng	2.0	0.69	5	Thỉnh thoảng
6	Tham gia tập luyện ngoại khóa TDTT	2.24	0.74	6	Thỉnh thoảng	1.83	0.50	6	Thỉnh thoảng
7	Tự tìm hiểu các nội dung học tập bằng các nguồn thông tin khác	2.19	0.70	7	Thỉnh thoảng	1.67	0.52	7	Không bao giờ

**Bảng 3.4. Hành động học tập của sinh viên**

Qua điều tra, khảo sát cho thấy sinh viên “Chấp hành tốt nội quy giờ học” có điểm TB là 3.56, ở mức “Rất thường xuyên”. Giảng viên cũng đánh giá cao việc “Chấp hành tốt nội quy trong giờ học” của sinh viên với số điểm TB là 3.66. Ý thức chấp hành nội quy tốt sẽ tạo nên một môi trường học tập nghiêm túc và hiệu quả hơn cho sinh viên. Tuy nhiên với độ lệch chuẩn là 0.62 thì vẫn có sự khác biệt trong các mức độ chấp hành nội quy của sinh viên, vẫn còn một số em chấp hành ở mức “thường xuyên” và cả “thỉnh thoảng”.

“Đi học đầy đủ đúng giờ” của SV là hành động có mức độ tích cực chỉ xếp sau việc “Chấp hành tốt nội quy giờ học” với điểm TB là 3.53 (xếp thứ 2) ở

mức “Rất thường xuyên”. Về phía giảng viên cũng có đánh giá tương đồng với điểm TB là 3.50, tiệm cận mức “Rất thường xuyên”. Qua đây thấy rằng sinh viên đi học đầy đủ, đúng giờ chiếm tỉ lệ lớn. Tuy nhiên qua phỏng vấn một số giảng viên và sinh viên thì thấy việc đi học đầy đủ là tương đối tốt nhưng tình trạng đi học trễ của sinh viên vẫn tồn tại khá nhiều, nguyên nhân thuộc về ý thức của sinh viên và cả sự quản lý giờ học của giảng viên.

“Hoàn thành các bài tập được giao” và “Chăm chỉ tập luyện trong giờ học” được sinh viên tự nhận là có sự tích cực xếp ở hạng thứ 3 và 4, đều ở mức “Thường xuyên”. “Hoàn thành các bài tập được giao” với điểm TB là 3.47, hoạt động này được sinh viên khá chú trọng vì đây là một trong những tiêu chí giảng viên dùng để đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Trong khi đó giảng viên đánh giá hành động này của sinh viên tuy cũng ở mức độ “Thường xuyên” nhưng điểm TB là 3.33. Còn về “Chăm chỉ tập luyện trong giờ học”, sinh viên tự đánh giá điểm TB là 3.46 trong khi đó giảng viên chỉ đánh giá 3.0 điểm. Giảng viên nhận xét rằng sinh viên cần cải thiện hơn nữa sự chăm chỉ trong tập luyện.

Việc giúp đỡ bạn trong giờ học GDTC và tham gia tập luyện ngoại khóa TDDT của sinh viên chỉ ở mức “Thỉnh thoảng” xếp hạng 5 và 6 với điểm TB lần lượt là 2.32 và 2.24. Đây là hai yếu tố chưa được sinh viên chú trọng, có gần một nửa số SV được khảo sát trả lời rằng mình “Thỉnh thoảng” hoặc “Không bao giờ” giúp đỡ bạn trong khi tập luyện và tập luyện TDDT ngoại khóa.

Việc sinh viên “Tự tìm hiểu các nội dung học tập bằng các nguồn thông tin khác” xếp ở vị trí cuối cùng với số điểm TB là 2.19. Sinh viên đánh giá hành động này ở mức “Thỉnh thoảng”, còn về phía giảng viên cho rằng sinh viên hầu như không tự tìm hiểu các nội dung học tập môn GDTC bằng các nguồn thông tin bên ngoài, số điểm TB GV đánh giá là 1.67, tiệm cận mức “Không bao giờ”.

Qua bảng điều tra thấy rằng thực tế trong các giờ học GDTC tại Nhà trường, bên cạnh những sinh viên có biểu hiện hành vi học tập tốt thì vẫn còn có những sinh viên còn đi trễ và vắng học, chưa chấp hành tốt nội quy trong lớp

học, chưa chăm chỉ tập luyện thường xuyên và chưa biết giúp đỡ bạn cùng hoàn thành bài tập được giao, đặc biệt là việc chưa thường xuyên tập luyện TDTT ngoại khóa và tự tìm hiểu nội dung học tập còn chiếm một tỉ lệ đáng kể.

#### 3.2.2.4. Thực trạng kết quả lĩnh hội học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên

Để đánh giá biểu hiện ở kết quả lĩnh hội, đầu tiên đề tài khảo sát khả năng tiếp thu các kỹ thuật động tác của SV được trình bày tại bảng như sau:

STT	Kết quả lĩnh hội của sinh viên	Sinh viên ngành GDMN (n=234)				Giảng viên GDTC (n=6)			
		Điểm TB	Độ LC	Thứ bậc	Mức độ	Điểm TB	Độ LC	Thứ bậc	Mức độ
1	Khả năng tiếp thu bài tập GDTC	3.63	0.53	1	Tốt	3.50	0.53	1	Khá
2	Kỹ năng thực hiện kỹ thuật động tác sau khi hoàn thành môn học GDTC	3.49	0.68	2	Thực hiện cơ bản đúng	3.33	0.58	2	Thực hiện cơ bản đúng

**Bảng 3.5. Kết quả lĩnh hội của sinh viên**

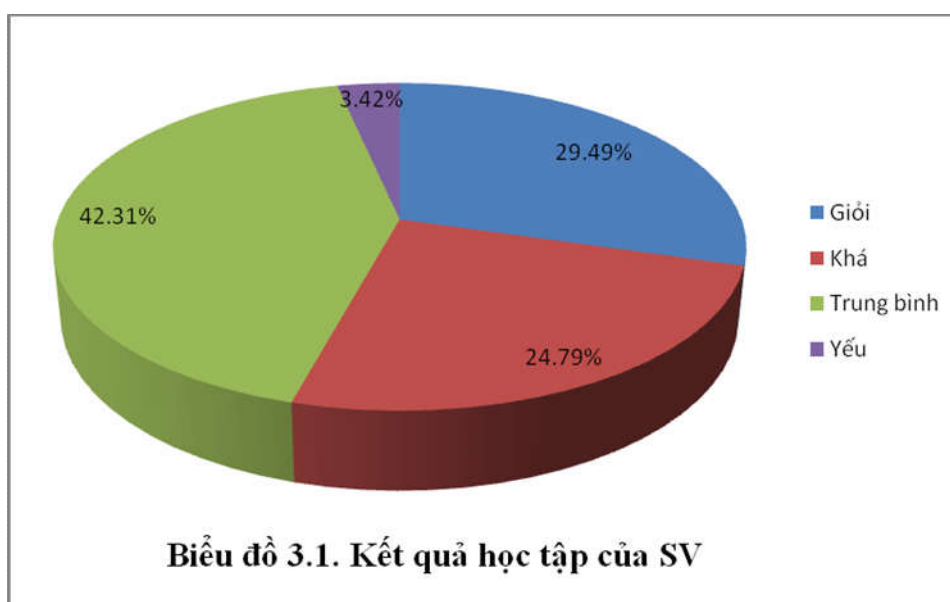
Khả năng tiếp thu các bài tập GDTC được sinh viên tự nhận ở mức “Tốt” (Vận dụng thành thạo kỹ thuật động tác) với điểm TB là 3.63 nhưng giảng viên đánh giá khả năng tiếp thu của SV chỉ ở mức “Khá” (Hiểu rõ kỹ thuật động tác) với điểm TB là 3.50. Khả năng tiếp thu của SV phụ thuộc phần lớn vào sự tập trung chú ý và nỗ lực của SV, bên cạnh đó thì còn chịu ảnh hưởng của các điều kiện khác như: môi trường học tập, độ khó của kỹ thuật động tác...

Về kỹ năng thực hiện các kỹ thuật động tác của SV sau khi hoàn thành chương trình môn học GDTC đều nhận được sự đánh giá tương đối đồng đều từ phía SV và GV với số điểm TB là 3.49 và 3.33. Giảng viên và SV đều cho rằng SV “Thực hiện cơ bản đúng” các kỹ thuật động tác đã được học. Ngoài ra, kết quả lĩnh hội của SV còn được thể hiện ở kết quả học tập bằng điểm số qua các bài kiểm tra, đánh giá.

Chúng tôi tiến hành thống kê điểm môn GDTC học kỳ gần nhất của SV. Kết quả học tập môn GDTC được trình bày tại bảng như sau:

<b>Xếp loại</b>	<b>Số lượng</b>	<b>%</b>
Giỏi	69	29.49
Khá	58	24.79
Trung bình	99	42.31
Yếu	8	3.41

**Bảng 3.6. Kết quả học tập của sinh viên**



Kết quả học tập của sinh viên theo thống kê thì tỷ lệ sinh viên đạt điểm loại giỏi là 69/234 em chiếm 29.49%, điểm đạt loại khá là 58/234 em chiếm tỷ lệ 24.79%. Tổng số sinh viên có kết quả học tập đạt loại khá và giỏi chiếm 54,28%, đây là kết quả tương đối thấp so với mục tiêu đặt ra. Số SV có điểm trung bình là 99/234 em chiếm 42.31%, vẫn còn có sinh viên xếp loại yếu là 8/234 chiếm 3.41%.

*Tóm lại:* Qua kết quả lĩnh hội và kết quả học tập của sinh viên, kết quả này phản ánh đúng về những thực trạng đã điều tra trước đó, có thể nhận định rằng vẫn còn nhiều sinh viên của nhà trường chưa thật sự tích cực trong giờ học GDTC, chưa có động cơ học tập đúng đắn, chưa nỗ lực hết mình trong các giờ

học, do vậy mà kết quả đạt được còn chưa cao. Vì thế việc tìm và đề xuất các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong giờ học GDTC là vô cùng cần thiết.

### 3.2.3. So sánh tính tích cực học tập môn Giáo dục thể chất giữa sinh viên GDMN các khóa

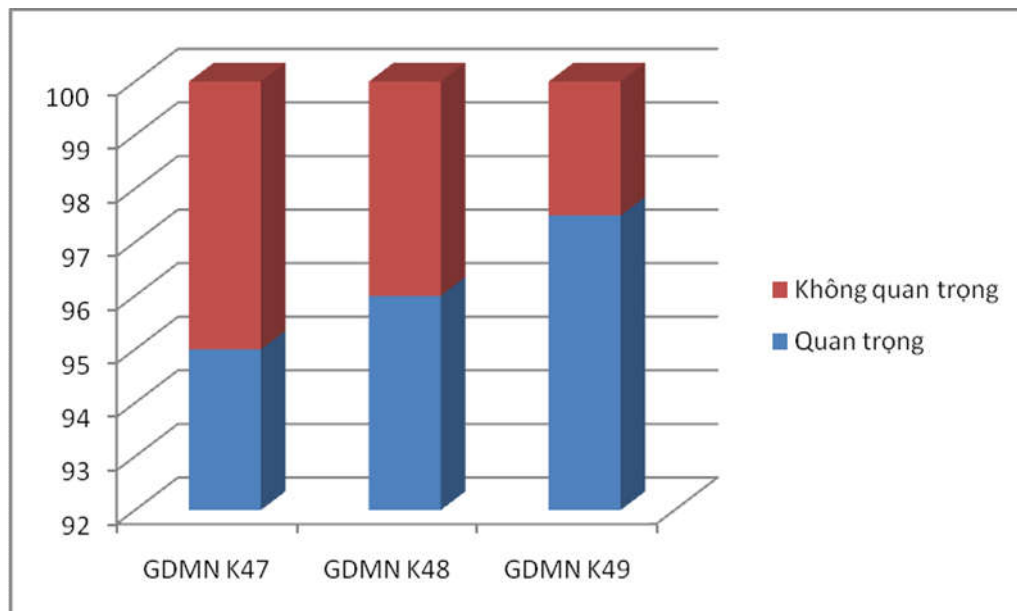
#### 3.2.3.1. So sánh về nhận thức của sinh viên

Đầu tiên, chúng tôi tiến hành so sánh sự khác nhau trong nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của môn GDTC, thu được kết quả theo bảng sau:

Nội dung	GDMN K47				GDMN K48				GDMN K49			
	Có		Không		Có		Không		Có		Không	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Môn Giáo dục thể chất trong Nhà trường có quan trọng không?	114	95%	06	5%	71	96%	03	4%	39	97,5%	1	2,5%

**Bảng 3.7a. So sánh nhận thức của SV về tầm quan trọng của môn GDTC**

Nhận thức về vai trò của môn GDTC trong Nhà trường, xếp thấp nhất là SV K47 có 95% cho rằng môn GDTC có vai trò quan trọng, còn 5% cho rằng môn GDTC không quan trọng; tiếp theo là SV K48 có 96% cho rằng quan trọng, và 4% cho rằng không quan trọng; SV K49 có mức nhận thức tốt nhất với 97,5% cho rằng quan trọng, 2,5% còn lại cho rằng GDTC không quan trọng.



**Biểu đồ 3.2. So sánh nhận thức của SV về tầm quan trọng của môn GDTC**

Đề tài tiếp tục tiến hành so sánh sự khác nhau trong nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của môn GDTC như sau:

Nội dung	GDMN K47		GDMN K48		GDMN K49	
	Điểm TB	Thứ bậc	Điểm TB	Thứ bậc	Điểm TB	Thứ bậc
Sự cần thiết của môn học GDTC trong Nhà trường	3.60	2	3.48	3	3.62	1

**Bảng 3.7b. So sánh nhận thức của SV sự cần thiết của môn GDTC**

Nhận thức về sự cần thiết của môn học GDTC thì SV khóa 47 và khóa 49 đều đánh giá là “Rất cần thiết”; còn sinh viên khóa 48 cho rằng yếu tố này chỉ “Cần thiết”. Đây là sự khác biệt rõ nét về nhận thức của SV giữa các khóa. SV K47 và K49 đã nhận thức đúng về sự cần thiết của môn GDTC trong Nhà trường, còn SV K48 còn chưa thật sự coi trọng sự cần thiết của môn học này. Có nhận thức được sự cần thiết của môn GDTC thì SV mới có động cơ và mục tiêu học tập đúng đắn, từ đó SV mới nỗ lực tích cực trong học tập để đạt được mục tiêu đề ra.

So sánh nhận thức của SV về các vai trò cụ thể của môn GDTC, kết quả thể hiện qua bảng sau:



STT	Vai trò của GDTC	GDMN K47		GDMN K48		GDMN K49	
		Điểm TB	Thứ bậc	Điểm TB	Thứ bậc	Điểm TB	Thứ bậc
1	Tăng cường khả năng phối hợp, hợp tác, tổ chức, phát huy tinh thần đồng đội	3.55	1	3.43	1	3.37	2
2	Tạo thói quen thường xuyên tập luyện TDTT	3.44	2	2.81	5	2.69	5
3	Tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích	3.41	3	3.32	3	3.08	4
4	Nâng cao sức khỏe, phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần	3.39	4	3.42	2	3.66	1
5	Tạo cơ hội giao lưu, học hỏi, tăng cường khả năng giao tiếp.	3.14	5	2.89	4	3.09	3
6	Trang bị nền tảng thể lực, các tố chất vận động, sẵn sàng cho các hoạt động khác.	3.02	6	2.10	7	2.35	6
7	Trang bị những kỹ năng vận động cần thiết	2.61	7	2.36	6	1.99	7

**Bảng 3.8. So sánh nhận thức của SV về vai trò của môn GDTC**

Về vai trò của GDTC trong việc “Trang bị những kỹ năng vận động cần thiết” cho SV thì cả 3 khóa đều đánh giá là “Ít quan trọng” với điểm TB từ 1.99-2.61. Trong đó, SV K49 đánh giá vai trò này thấp nhất trong ba khóa với điểm TB chỉ là 1.99; còn SV K47 có mức nhận thức tốt hơn cả với điểm TB 2.61. Nhìn chung, vai trò này của GDTC còn bị SV xem nhẹ.

Vai trò của GDTC trong việc “Trang bị các tố chất thể lực, các tố chất vận động, sẵn sàng cho các hoạt động khác” thì SV khóa 47 đánh giá là “Quan trọng” với điểm TB là 3.02; còn SV khóa 48 cho rằng “Ít quan trọng” với điểm

TB là 2.10; SV khóa 49 cũng cùng quan điểm với SV K48 nhưng có điểm TB nhỉnh hơn, là 2.35.

Vai trò của GDTC trong việc “Nâng cao sức khỏe, phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần” đều được SV cả 3 khóa đánh giá cao, SV K47 và K48 cho rằng “Quan trọng” với điểm TB lần lượt là 3.39 và 3.42; còn SV K49 đánh giá là “Rất quan trọng” với điểm TB là 3.66.

Về vai trò “Tạo cơ hội giao lưu, học hỏi, tăng cường khả năng giao tiếp” được SV cả ba khóa đánh giá là “Quan trọng”, trong đó điểm TB của K47 là cao nhất - 3.39, tiếp theo là K49 - 3.09 và cuối cùng là K48 - 2.89.

Vai trò của GDTC trong việc “Tăng cường khả năng phối hợp, hợp tác, tổ chức, phát huy tinh thần đồng đội” cho SV được SV K47 đánh giá là “Rất ảnh hưởng” với điểm TB là 3.55, K48 và K49 đánh giá là “Ảnh hưởng” với điểm TB là K48 - 3.43, và K49 - 3.37.

Vai trò của GDTC trong việc “Tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích” đều được SV đánh giá là “Ảnh hưởng” nhưng với số điểm TB khác nhau: K47 là 3.41 điểm, K48 là 3.32 điểm, K49 là 3.08 điểm.

Vai trò của GDTC trong việc “Tạo thói quen thường xuyên tập luyện TDTT” được SV K47 đánh giá là “Quan trọng” với điểm TB 3.44, đây là mức tiệm cận mức “Rất quan trọng”. SV K48 và K49 đánh giá vai trò này thấp hơn, cũng là “Quan trọng” nhưng với điểm TB lần lượt chỉ là 2.81 và 2.69.

*Tóm lại:* nhìn chung còn có sự khác biệt giữa SV các khóa trong nhận thức về vai trò cụ thể của môn GDTC đối với bản thân các em. Sinh viên khóa 47 có sự nhận thức cao hơn về vai trò của GDTC khi đánh giá các khía cạnh như: “Trang bị nền tảng thể lực, các tố chất vận động, sẵn sàng cho các hoạt động khác”; “Tăng cường khả năng phối hợp, hợp tác, tổ chức, phát huy tinh thần đồng đội”; “Tạo thói quen tập luyện TDTT” với điểm số trung bình cao hơn so với hai khóa còn lại. Đặc biệt, vai trò "Tăng cường khả năng phối hợp, hợp tác, tổ chức, phát huy tinh thần đồng đội" và "Tạo thói quen tập luyện TDTT" được sinh viên khóa 47 đánh giá là “Rất quan trọng”, điều này cho thấy

SV có nhận thức tốt đối với vai trò của môn học này.

Sinh viên khóa 48 thể hiện sự đánh giá trung bình thấp hơn so với khóa 47 ở hầu hết các khía cạnh, đặc biệt là trong việc "Trang bị nền tảng thể lực, các tố chất vận động, sẵn sàng cho các hoạt động khác" và "Tạo cơ hội giao lưu, học hỏi, tăng cường khả năng giao tiếp", cho thấy mức độ quan tâm và nhận thức về vai trò của GDTC của SV chưa thật sâu sắc. SV khóa 49 tuy có nhận thức tương đối giống với khóa 48, nhưng lại đánh giá rất cao vai trò của GDTC về việc "Nâng cao sức khỏe, phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần" với điểm trung bình cao hơn cả, điều này chứng tỏ SV K49 coi trọng tác động tích cực của GDTC đến việc phát triển sức khỏe của bản thân.

Sự khác nhau về nhận thức này sẽ dẫn tới thái độ học tập cũng khác nhau.

### 3.2.3.2. So sánh thái độ học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên

STT	Thái độ học tập môn GDTC của SV	GDMN K47		GDMN K48		GDMN K49	
		Điểm TB	Thứ bậc	Điểm TB	Thứ bậc	Điểm TB	Thứ bậc
1	Hứng thú đối với môn học GDTC	3.48	1	3.43	1	3.47	3
2	Yêu thích môn học GDTC	3.46	2	3.40	2	3.65	1
3	Tập trung chú ý trong giờ học trong giờ học GDTC	3.45	3	3.19	4	3.35	4
4	Hài lòng về môn học GDTC	3.40	4	3.34	3	3.50	2
5	Nỗ lực, tự giác trong giờ học trong giờ học GDTC	3.37	5	3.18	5	3.27	5
6	Sốt sắng thực hiện bài tập được giao	2.44	6	2.49	6	2.51	6

**Bảng 3.9. So sánh thái độ học tập môn GDTC của SV**

Về sự tập "Trung chú trong giờ học GDTC" thì SV cả 3 khóa đều có biểu hiện "Tập trung, chú ý", trong đó K47 có sự chú ý tốt hơn cả với điểm TB là 3.45; tiếp theo là K49 với điểm TB là 3.35; xếp cuối là K48 với điểm TB là 3.19.

Về sự “Nỗ lực, tự giác trong giờ học GDTC” thì SV K47 có sự nỗ lực, tự giác lớn nhất với điểm TB 3.37; K49 có sự nỗ lực tự giác xếp thứ hai với điểm TB là 3.27; K48 có sự nỗ lực tự giác ít hơn với điểm TB là 3.18.

Về thái độ “Sốt sắng thực hiện bài tập được giao” thì SV cả ba khóa đều có sự sốt sắng không nhiều. SV K47 sốt sắng ở mức điểm TB là 2.44, mức sốt sắng thấp nhất trong ba khóa. SV K49 có mức sốt sắng cao nhất với điểm TB là 2.51, còn SV K48 sốt sắng ở mức điểm TB là 2.49.

Sự hứng thú đối với môn học GDTC của SV cả ba khóa không có nhiều sự chênh lệch, K47 có điểm TB là 3.48; xếp sau là K49 với điểm TB là 3.47; cuối cùng là K48 với điểm TB là 3.43. Thực trạng này cho thấy GDTC là môn học có sức lôi cuốn với SV.

SV có thái độ yêu thích môn học GDTC khá tốt, K49 là rất yêu thích với điểm TB là 3.65; SV K47 và K48 đều có thái độ yêu thích nhưng điểm TB của K47 nhỉnh hơn so với K48 là 3.46 và 3.40.

SV cả ba khóa đều hài lòng về môn học GDTC, hài lòng ở mức độ cao nhất là SV K49 với điểm TB là 3.50, tiếp theo là K47 với điểm TB là 3.40, cuối cùng là K48 với điểm TB là 3.34.

Nhìn chung, SV các khóa có mức biểu hiện khác nhau về thái độ học tập nhưng sự khác biệt không quá lớn, và ở mỗi thái độ khác nhau thì cũng có sự biểu hiện cụ thể khác nhau.

### 3.2.3.3. So sánh hành động học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên

STT	Hành động học tập môn GDTC của SV	GDMN K47		GDMN K48		GDMN K49	
		Điểm TB	Thứ bậc	Điểm TB	Thứ bậc	Điểm TB	Thứ bậc
1	Đi học đầy đủ, đúng giờ	3.54	1	3.41	2	3.65	2
2	Chấp hành tốt nội quy giờ học	3.50	2	3.44	1	3.75	1
3	Chăm chỉ tập luyện trong giờ học	3.49	3	3.28	4	3.62	3
4	Hoàn thành các bài tập	3.46	4	3.35	3	3.60	4

	được giao.						
5	Giúp đỡ bạn trong tập luyện	2.36	5	2.15	5	2.45	5
6	Tham gia tập luyện ngoại khóa TĐTT	2.62	6	2.44	6	1.66	7
7	Tự tìm hiểu các nội dung học tập bằng các nguồn thông tin khác	2.07	7	2.16	7	2.34	6

**Bảng 3.10. So sánh hành động học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên**

Về việc “Đi học đầy đủ, đúng giờ” thì SV K49 thực hiện tốt nhất với điểm TB là 3.65 – “Rất thường xuyên”; K47 xếp thứ hai với điểm TB là 3.54 – “Thường xuyên”; cuối cùng là SV K48 với điểm TB là 3.41 – “Thường xuyên”. Nhìn chung các khóa vẫn còn tình trạng SV vắng học và đi trễ, đặc biệt là số SV đi trễ còn nhiều.

Việc “Chấp hành tốt nội quy giờ học” của SV K49 xếp thứ nhất với điểm TB là 3.75 – “Rất thường xuyên”; thực hiện tốt thứ hai là K47 với điểm TB là 3.50 - “Thường xuyên” (tiệm cận mức “Rất thường xuyên”); cuối cùng là K48 với điểm TB là 3.44 – “Thường xuyên”.

SV K49 “Chăm chỉ tập luyện trong giờ học” một cách “Rất thường xuyên” với điểm TB là 3.62; K47 chăm chỉ tập luyện ở mức độ “Thường xuyên” với điểm TB là 3.49; xếp cuối là K48 với điểm TB là 3.28.

Việc “Giúp đỡ bạn trong tập luyện” là một trong những hành động học tập ít được SV cả ba khóa coi trọng, đều ở mức “Thỉnh thoảng”, K49 với điểm TB là 2.45; xếp sau là K47 với điểm TB là 2.36; ít tích cực nhất về hành động này là K48 với điểm TB là 2.15.

Về “Hoàn thành các bài tập được giao” thì SV K49 thực hiện rất thường xuyên với điểm TB 3.60, SV K47 và K48 thực hiện ở mức thường xuyên với sự tích cực hơn là SV K47 (điểm TB 3.46), xếp sau là SV K48 với điểm TB 3.35.

Tỉ lệ SV “Tham gia tập luyện ngoại khóa TĐTT” ngoài giờ học còn rất ít,

SV K47 tham gia ở mức “Thường xuyên” với điểm TB 2.62; SV K48 là “Thỉnh thoảng” với điểm TB 2.44; SV K49 có số điểm TB là 1.66 (tiệm cận mức “Không bao giờ”). Điều này xuất phát từ thực tiễn SV chưa đánh giá đúng vai trò của việc tự rèn luyện TĐTT.

Việc SV “Tự tìm hiểu các nội dung học tập bằng các nguồn thông tin khác” là một hành động ít có tính tích cực của SV. SV cả ba khóa đều chỉ “Thỉnh thoảng” thực hiện nội dung này với điểm TB của K49 là 2.34, K48 là 2.16, K47 là 2.07. Điều này cho thấy SV cả ba khóa còn khá thụ động trong việc tự học.

*Tóm lại:* Sinh viên khóa 49 có tính tích cực cao nhất trong các hành động học tập môn GDTC, trong khi đó thì SV khóa 47 vẫn giữ được mức độ tích cực khá cao, nhưng chưa đạt tới mức “Rất thường xuyên”. SV khóa 48 là khóa có hành động học tập ít tích cực nhất, với nhiều hành động học tập chỉ đạt mức “Thỉnh thoảng”, phản ánh sự thiếu nhiệt tình và chủ động trong học tập, điều này có thể do nhận thức, do động lực và mục tiêu học tập chi phối.

#### 3.2.3.4. So sánh kết quả lĩnh hội môn Giáo dục thể chất của sinh viên

STT	Kết quả lĩnh hội của SV	GDMN K47		GDMN K48		GDMN K49	
		Điểm TB	Thứ bậc	Điểm TB	Thứ bậc	Điểm TB	Thứ bậc
1	Khả năng tiếp thu bài tập GDTC	3.82	1	3.48	1	3.59	1
2	Kỹ năng thực hiện kỹ thuật động tác	3.64	2	3.40	2	3.43	2

**Bảng 3.11. So sánh kết quả lĩnh hội môn Giáo dục thể chất của sinh viên**

SV K47 có khả năng tiếp thu bài tập GDTC vượt trội, ở mức “Tốt” với điểm TB 3.82; tiếp theo là SV K49 có mức tiếp thu “Tốt” với điểm TB là 3.59; cuối cùng là SV K48 cũng có mức tiếp thu “Khá” với điểm TB 3.48.

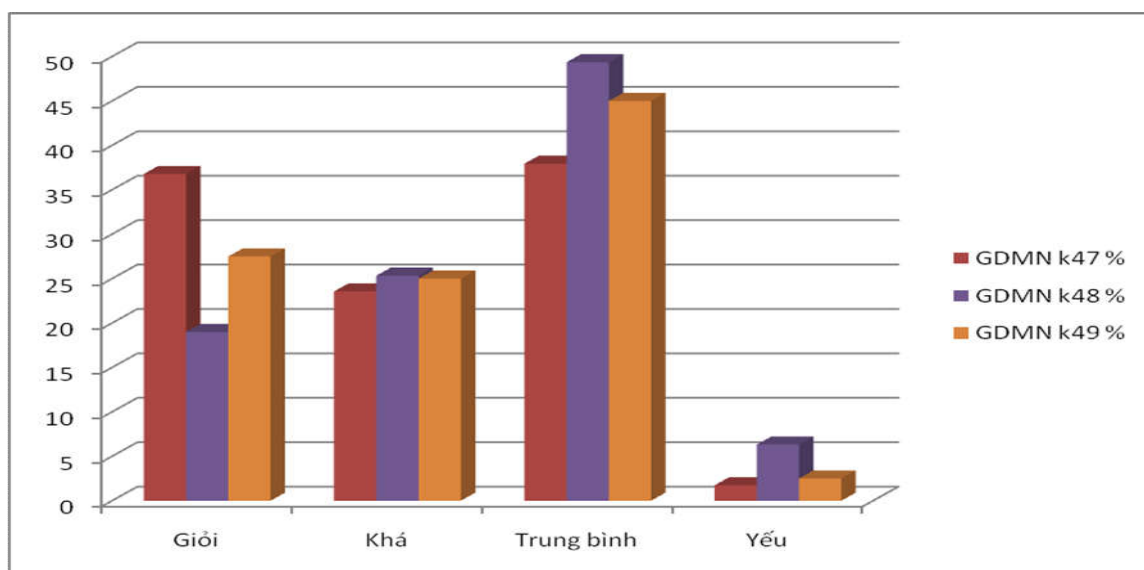
Kỹ năng thực hiện các kỹ thuật động tác của SV K47 ở mức “Thành thạo” với điểm TB 3.64, còn SV K48 và K49 có mức thực hiện đều là “Cơ bản đúng” với số điểm TB chênh lệch thấp là 3.40 và 3.43.

Nhìn chung, SV K47 có mức độ lĩnh hội vượt trội so với SV hai khóa còn lại, SV K48 và K49 có mức độ lĩnh hội khá và điểm TB chênh lệch nhau không nhiều.

So sánh kết quả học tập của SV bằng điểm số thông qua quá trình kiểm tra, đánh giá như sau:

Xếp loại	GDMN K47		GDMN K48		GDMN K49	
	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
Giỏi	44	36.78	14	18.99	11	27.5%
Khá	29	23.56	19	25.33	10	25%
Trung bình	45	37.93	36	49.36	18	45%
Yếu	2	1.73	5	6.32	1	2.5%

**Bảng 3.12.** So sánh kết quả học tập của SV



**Biểu đồ 3.3.** So sánh kết quả học tập của SV

Về kết quả học tập cụ thể, số lượng SV đạt điểm giỏi K47 chiếm tỉ lệ cao nhất với 36.78%, xếp sau là SV K49 với 27.5%, cuối cùng là K48 với 18.99%. Về học lực xếp loại khá, SV K48 và K49 xấp xỉ nhau, là 25.33% và 25%; còn

SV K47 là 23.56%. Còn số SV có học lực loại TB của K48 là 49.36% (xếp thứ nhất), của K49 là 45% (xếp thứ 2), K47 là 37.93% (xếp thứ 3). Cả ba khóa vẫn còn SV có điểm học tập môn GDTC xếp loại yếu, trong đó chiếm tỉ lệ cao nhất là K48 với 6.32%, xếp sau là K49 với 2.5%, cuối cùng là K47 chỉ với 1.73%.

3.2.4. Nhận định các yếu tố ảnh hưởng đến tính tích cực học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên

Căn cứ trên thực trạng học tập môn GDTC của SV, chúng tôi đề xuất một số yếu tố chủ quan và khách quan ảnh hưởng tới tính tích cực học tập của sinh viên rồi tiến hành khảo sát, thu được kết quả như sau:

3.2.4.1. Các yếu tố chủ quan

STT	Các yếu tố chủ quan	Sinh viên ngành GDMN (n=234)				Giảng viên (n=6)			
		Điểm TB	Độ LC	Thứ bậc	Mức độ	Điểm TB	Độ LC	Thứ bậc	Mức độ
1	Ý thức nỗ lực học tập của SV	3.55	0.94	1	Rất ảnh hưởng	3.83	0.50	1	Rất ảnh hưởng
2	Sự tự giác hoàn thành các bài tập được giao của SV	3.34	0.95	2	Ảnh hưởng	3.67	0.53	3	Rất ảnh hưởng
3	Phương pháp học tập môn GDTC của SV.	3.32	0.93	3	Ảnh hưởng	3.50	0.56	5	Ảnh hưởng
4	Sự hứng thú và yêu thích môn học của SV	3.25	0.94	4	Ảnh hưởng	3.50	0.67	5	Ảnh hưởng
5	Động cơ và mục tiêu học tập môn GDTC	3.20	0.91	5	Ảnh hưởng	3.83	0.51	1	Rất ảnh hưởng



	của SV.								
6	Nhận thức của SV về ý nghĩa, vai trò của môn GDTC	3.07	0.89	6	Ảnh hưởng	3.67	0.62	3	Rất ảnh hưởng
7	Tự giác rèn luyện TĐTT ngoài giờ học của SV	2.90	0.96	7	Ảnh hưởng	3.33	0.62	7	Ảnh hưởng

**Bảng 3.13. Các nhân tố chủ quan ảnh hưởng tích cực học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên**

Các yếu tố đều được sinh viên đánh giá là “Ảnh hưởng” hoặc “Rất ảnh hưởng” tới tính tích cực học tập môn GDTC với số điểm TB từ 2.90 – 3.55. “Ý thức nỗ lực học tập của sinh viên” được đánh giá là “Rất ảnh hưởng” với số điểm TB là 3.55 (xếp thứ 1). Giảng viên cũng cho rằng đây là yếu tố có sự “Ảnh hưởng” mang tính quyết định tới tính tích cực học tập và chất lượng học tập của SV với điểm TB là 3.83.

Thứ hạng tiếp theo là sự “Tự giác hoàn thành các bài tập được giao của SV” với số điểm TB 3.34, mức độ “Ảnh hưởng” và xếp thứ 2, đây là yếu tố quan trọng để sinh viên có kết quả lĩnh hội tốt. Dù giảng viên có truyền tải tốt đến đâu mà sinh viên không tự giác học tập thì kết quả thu được cũng không cao. Giảng viên đánh giá yếu tố này “Rất ảnh hưởng” với số điểm TB là 3.67 (xếp thứ 3). Giảng viên N.K.N cho rằng: *“Nếu các em không tự giác hoàn thành các bài tập được giao thì các em đã chưa hoàn thành mục đích, yêu cầu của bài học, có nhiều em rất miễn cưỡng tập luyện khi GV giao nhiệm vụ nên kết quả đạt được chưa cao”*.

Xếp hạng thứ 3 và 4 lần lượt là “Phương pháp học tập môn GDTC của SV” với điểm TB là 3.34 và “Sự hứng thú và yêu thích môn học của SV” với số điểm TB là 3.25. Cả hai yếu tố này đều được sinh viên đánh giá là “Ảnh hưởng”. SV T.T.N.H nói: *“Em hứng thú với môn học GDTC vì đó là giờ học mà em thấy vừa được học vừa được chơi, chính tâm lý thoải mái đó giúp em tiếp thu bài hiệu quả hơn”*. Giảng viên cũng cho rằng hai yếu tố này “Ảnh hưởng” tới tính

tích cực học tập của sinh viên nhưng GV đánh giá mức độ ảnh hưởng nhiều hơn so với nhận định của SV. Về “Phương pháp học tập môn GDTC của SV” và “Sự hứng thú và yêu thích môn học của SV” đều được GV đánh giá điểm TB là 3.50 (xếp thứ 5), đây là mức điểm TB gần mức độ “Rất ảnh hưởng”. Bản thân mỗi SV phải tự xây dựng kế hoạch học tập cho mình, một phương pháp học tập đúng đắn là yếu tố quan trọng góp phần quyết định đến kết quả học tập.

Về “Động cơ học tập và mục tiêu học tập môn GDTC của SV” có số điểm TB là 3.20, mức độ “Ảnh hưởng” và xếp thứ 5. Sinh viên cho rằng yếu tố này có tầm ảnh hưởng không quá nhiều đến tính tích cực học tập. Đánh giá này cho thấy SV chưa nhận thức đúng mức về tầm quan trọng về động cơ và mục tiêu học tập của bản thân. Nhưng giảng viên đánh giá yếu tố này “Rất ảnh hưởng” tới tính tích cực học tập của SV với số điểm TB là 3.83 (xếp thứ nhất). Động cơ học tập là thành tố chủ yếu nhất của hoạt động học tập, tạo nên động lực thúc đẩy, lôi cuốn và kích thích người học tích cực hoạt động trong quá trình học tập. Việc mạnh dạn đưa ra mục tiêu cụ thể sẽ giúp cho các em có được động lực tốt hơn trong việc học tập của mình. Mục tiêu đó giúp định hướng được những việc cần làm, xác định được những phương hướng đúng đắn để học tập, trau dồi kiến thức hiệu quả hơn [32].

Về “Nhận thức của SV về ý nghĩa, vai trò của môn GDTC” được sinh viên đánh giá là “Ảnh hưởng” với số điểm TB là 3.07 (xếp thứ 6). Sinh viên cho rằng đây là yếu tố không ảnh hưởng quá nhiều đến tính tích cực học tập. Trong khi đó GV đánh giá đây là yếu tố “Rất ảnh hưởng” với điểm TB là 3.67 (xếp thứ 3). Nhận thức quyết định hành động, SV phải nhận thức đúng và đầy đủ về ý nghĩa, vai trò của môn học GDTC thì từ đó SV mới có động lực học tập và xây dựng được mục tiêu học tập đúng đắn.

Yếu tố được sinh viên đánh giá có mức ảnh hưởng thấp nhất trong các yếu tố đề xuất là “Tự giác rèn luyện TĐTT ngoài giờ học của SV” với điểm TB là 2.90 (xếp thứ 7). Chỉ một số ít SV khi được hỏi trả lời là có tập luyện TĐTT ngoài giờ học. Thực tế đó cho thấy các em chưa coi trọng vai trò của việc tự rèn

luyện ngoài giờ học. Điều đó có thể xuất phát từ nhận thức và nề nếp sinh hoạt của các em. GV đánh giá nhân tố này “Ảnh hưởng” rõ hơn tới tính tích cực học tập của các em với điểm TB 3.33.

Độ LC của các đánh giá của SV dao động từ 0.89 – 0.96 cho thấy mức độ các đánh giá của SV là có sự khác biệt, còn về phía GV có sự đánh giá đồng đều hơn với độ LC từ 0.50 – 0.67. Điều đó cũng cho thấy sự chưa đồng đều trong nhận thức của sinh viên về việc xác định đâu là những nhân tố ảnh hưởng đến tính tích cực học tập của các em, để từ đó đưa ra phương pháp học tập đúng đắn.

*Tóm lại:* các nhân tố trên đều được SV và GV đánh giá là có những ảnh hưởng nhất định tới tính tích cực học tập môn GDTC của các em.

#### 3.2.4.2. Các yếu tố khách quan

STT	Các yếu tố khách quan	Sinh viên ngành GDMN (n=234)				Giảng viên (n=6)			
		Điểm TB	Độ LC	Thứ bậc	Mức độ	Điểm TB	Độ LC	Thứ bậc	Mức độ
1	Tình trạng sức khỏe và thể lực của sinh viên	3.45	0.94	1	Ảnh hưởng	3.67	0.56	1	Ảnh hưởng
2	Phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá môn GDTC của GV	3.52	0.95	2	Rất ảnh hưởng	3.50	0.50	2	Ảnh hưởng
3	Sự bao quát, cách quản lý lớp học của GV trong giờ học	3.27	0.90	3	Ảnh hưởng	3.50	0.57	2	Ảnh hưởng
4	Sự nỗ lực tập luyện và giúp	3.20	0.91	4	Ảnh hưởng	3.50	0.59	2	Ảnh hưởng

	đỡ lẫn nhau của các bạn cùng lớp.								
5	Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ quá trình dạy và học môn GDTC của nhà trường.	2.94	0.96	5	Ảnh hưởng	3.0	0.59	5	Ảnh hưởng
6	Nội dung chương trình môn GDTC của nhà trường	2.92	0.94	6	Ảnh hưởng	3.0	0.63	5	Ảnh hưởng
7	Các chương trình tập luyện ngoại khóa của nhà trường dành cho sinh viên	2.86	0.94	7	Ảnh hưởng	3.50	0.58	2	Ảnh hưởng

**Bảng 3.14. Các yếu tố khách quan ảnh hưởng tích cực học tập môn**

**Giáo dục thể chất của sinh viên**

“Tình trạng sức khỏe và thể lực của SV” được các em đánh giá là “Ảnh hưởng” đến tính tích cực học tập môn GDTC của bản thân với số điểm TB 3.45 (xếp thứ nhất). Sinh viên ngành GDMN của nhà trường 100% là SV nữ, nhiều em có thể lực còn hạn chế [10] nên sẽ gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện TDTT. Điều này một phần cũng xuất phát từ thói quen sinh hoạt và rèn luyện của các em. GV đánh giá đây là một trong những yếu tố “Rất ảnh hưởng” đến tính tích cực học tập môn GDTC của SV với điểm TB là 3.67.

“Phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá môn GDTC” của GV được SV đánh giá “Rất ảnh hưởng” với điểm TB là 3.52 (xếp thứ 2). Giảng viên cũng có nhận định tương đồng với số điểm TB là 3.50, mức độ “Ảnh hưởng”. Phương pháp lên lớp đa dạng, sáng tạo của GV là một trong những nhân tố kích thích tính tích cực của người học. Việc lấy người học làm trung tâm sẽ phát huy được tính chủ động, nỗ lực, tự giác của các em trong học tập. Vì thế yêu cầu về việc

GV phải có phương pháp giảng dạy phù hợp để người học thấy hứng thú là điều vô cùng cần thiết. Việc kiểm tra đánh giá một cách công bằng, toàn diện của GV đối với SV trong quá trình học tập và sau khi hoàn thành chương trình là yếu tố quan trọng giúp SV cảm thấy hài lòng về môn học và có được kết quả xứng đáng với sự nỗ lực của bản thân, từ đó các em có ý chí phấn đấu cho mục tiêu đề ra.

Về “Sự bao quát, cách quản lý lớp học của GV trong giờ học GDTC” nhận được đánh giá có điểm TB là 3.2, mức độ “Ảnh hưởng” (xếp thứ 3) từ SV. GV đánh giá yếu tố này có sự “Ảnh hưởng” lớn hơn với điểm TB là 3.50, (xếp thứ 2). Phỏng vấn một số SV nhận được câu trả lời đôi lúc GV còn chưa bao quát lớp tốt trong giờ học GDTC, một số SV còn chưa tập trung vào bài học hoặc tập luyện một cách đối phó. Để SV có thái độ học tập đúng đắn thì không thể thiếu sự quản lý của GV trong giờ học.

Yếu tố “Sự nỗ lực tập luyện và giúp đỡ lẫn nhau của các bạn cùng lớp” được SV nhận định là “Ảnh hưởng” với điểm TB 3.20 (xếp thứ 4). Giảng viên nhận định rằng môi trường học tập đến từ bạn bè có sự ảnh hưởng lớn hơn đến tính tích cực học tập của SV. Nếu môi trường học tập tốt, SV cũng sẽ được lan tỏa ý chí nỗ lực học tập. Sự đánh giá của SV về mức độ ảnh hưởng của yếu tố này chưa cao có thể xuất phát từ thực tiễn môi trường học tập hiện tại các em chưa phát huy được điều đó, nên bản thân các em chưa nhận thấy sự ảnh hưởng rõ ràng của yếu tố này.

SV đánh giá các yếu tố “Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ quá trình dạy và học môn GDTC” với điểm TB là 2.94 (xếp thứ 5), “Nội dung chương trình môn GDTC của nhà trường” với điểm TB là 2.92 (xếp thứ 6), “Các chương trình tập luyện ngoại khóa của nhà trường dành cho sinh viên” với điểm TB là 2.86. Các yếu tố này đều được sinh viên đánh giá là “Ảnh hưởng” nhưng mức độ ảnh hưởng không nhiều và ít hơn những yếu tố khác. Giảng viên đánh giá sự ảnh hưởng của các yếu tố trên có sự khác biệt so với sinh viên. “Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ quá trình dạy và học môn GDTC” được GV đánh giá “Ảnh hưởng”

với điểm TB là 3.0. Hiện tại, các cơ sở vật chất của nhà trường vẫn đảm bảo cho các nội dung giảng dạy. Về “Nội dung chương trình môn GDTC của nhà trường” được đánh giá có điểm TB 3.0, mức độ “Ảnh hưởng” nội dung chương trình phù hợp là một trong những yếu tố thúc đẩy sự tích cực, hứng thú học tập của SV. “Các chương trình tập luyện ngoại khóa của nhà trường dành cho sinh viên” được GV đánh giá là có mức “Ảnh hưởng” khá lớn với điểm TB 3.50. Tổ chức các chương trình ngoại khóa thường xuyên sẽ thúc đẩy việc sinh viên tập luyện TDTT, tạo động lực tập luyện cho các em cũng như tạo ra một môi trường giao lưu và rèn luyện thể chất lành mạnh.

*Tóm lại:* các yếu tố được đề xuất đều được đánh giá là có mức độ ảnh hưởng tới tính tích cực học tập môn GDTC của SV.

Từ kết quả tìm hiểu, khảo sát thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến tính tích cực học tập môn GDTC của SV có thể rút ra một số nguyên nhân hạn chế tính tích cực học tập môn GDTC của SV như sau:

- *Nhóm nguyên nhân thuộc về phía sinh viên bao gồm:* chưa nhận thức rõ vai trò tác dụng của môn học đối với bản thân; chưa thực sự cố gắng trong học tập, học theo kiểu đối phó chỉ cần đủ điểm qua; Còn vắng, nghỉ học; Ý thức tự tập luyện chưa tốt. Nhóm nguyên nhân này bắt nguồn trước hết từ sự nhận thức chưa đầy đủ của sinh viên đối với vai trò, ý nghĩa của môn học, chi phối tới tâm lý khiến các em không có hứng thú với giờ học, lười biếng, không muốn học tập, học theo kiểu đối phó. Bên cạnh đó một số sinh viên do sức khỏe yếu nên môn học GDTC trở thành hạn chế...

- *Nhóm nguyên nhân thuộc về phía giảng viên bao gồm:* GV quản lý lớp chưa thật chặt chẽ; Yêu cầu của GV đối với SV trong giờ học chưa cao; Phương pháp giảng dạy của GV còn chưa thật sự lôi cuốn SV. Nhóm nguyên nhân này có một ảnh hưởng không nhỏ đến vấn đề tạo nên hứng thú cũng như tính tích cực, tự giác của SV đối với môn học GDTC.

- *Nhóm nguyên nhân thuộc về phía nhà quản lý:* Nhà trường chưa tổ chức được nhiều phong trào TDTT ngoại khóa cho SV tham gia; Điều kiện cơ

sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ tập luyện còn thiếu và cũ.

Từ những nguyên nhân phân tích trên lấy đó làm căn cứ cho việc xác định các biện pháp phù hợp để nâng cao tính tích cực trong giờ học GDTC của sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk.

### **3.3. Một số biện pháp nhằm nâng cao tính tích cực học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên trường Cao đẳng Sư Phạm Đắk Lắk**

#### **3.3.1. Các biện pháp được đề xuất**

Việc lựa chọn các biện pháp nâng cao tính tích cực trong giờ học GDTC của sinh viên trường Cao đẳng Sư Phạm Đắk Lắk được dựa trên cơ sở thực tiễn sau:

- Thực trạng tính tích cực của sinh viên trong giờ học GDTC.
- Các yếu tố ảnh hưởng tới tính tích cực học tập của SV
- Các nguyên nhân cơ bản hạn chế tính tích của sinh viên trong giờ học GDTC.

Các biện pháp được chọn lựa dựa trên các nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc tính thực tiễn: Các biện pháp xuất phát từ đòi hỏi thực tiễn của trong công tác GDTC tại Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk.
- Nguyên tắc tính đồng bộ: Các biện pháp đa dạng nhiều mặt và trực diện giải quyết các vấn đề của thực tiễn của công tác GDTC.
- Nguyên tắc tính khả thi: Các biện pháp được lựa chọn đảm bảo tính khả thi.
- Nguyên tắc đảm bảo tính khoa học: Các biện pháp mang tính khoa học và giải quyết vấn đề có tính khoa học.

Dựa vào cơ sở trên đã đề xuất được một số nhóm các biện pháp nâng cao tính tích cực trong giờ học GDTC như sau:

*- Nhóm biện pháp về phía nhà quản lý:*

Tổ chức nhiều chương trình ngoại khóa nâng cao chất lượng rèn luyện TDTT của SV.

Tăng cường và cải tiến nội dung chương trình cho phù hợp với đặc thù

của sv và điều kiện thực tiễn của trường.

Cải tạo, nâng cấp sân bãi, bổ sung dụng cụ phục vụ cho công tác giảng dạy và hoạt động TDTT.

- *Nhóm biện pháp về phía giảng viên:*

Nâng cao tinh thần trách nhiệm của GV trong quá trình giảng dạy.

Đổi mới phương pháp giảng dạy cho sinh động, hấp dẫn để nâng cao tính tích cực trong giờ học của SV.

- *Nhóm biện pháp về phía sinh viên:*

Nâng cao nhận thức về ý nghĩa, vai trò của GDTC cho sinh viên.

Rèn cho sinh viên ý thức tự giác, tích cực trong từng giờ học GDTC.

Rèn luyện phương pháp tự học, tự rèn luyện thân thể, tăng cường tập luyện TDTT ngoại khóa.

Tiến hành lấy ý kiến của Giảng viên về sự cần thiết của các biện pháp được đề xuất thu được kết quả như sau:

STT	Các biện pháp	Giảng viên giảng dạy GDTC (n=6)			
		Điểm TB	Độ LC	Thứ bậc	Mức độ
1	Đổi mới phương pháp giảng dạy cho sinh động, hấp dẫn để nâng cao tính tích cực trong giờ học của SV	3.83	0.53	1	Rất cần thiết
2	Nâng cao nhận thức về ý nghĩa, vai trò của GDTC cho sinh viên.	3.83	0.50	1	Rất cần thiết
3	Tổ chức nhiều chương trình ngoại khóa nâng cao chất lượng rèn luyện TDTT của SV	3.67	0.50	3	Rất cần thiết
4	Rèn cho sinh viên ý thức tự giác, nỗ lực, ý chí vượt khó trong từng giờ học GDTC	3.67	0.53	3	Rất cần thiết
5	Cải tạo, nâng cấp sân bãi, bổ sung dụng cụ phục vụ cho công tác giảng dạy và hoạt động TDTT	3.50	0.51	5	Cần thiết
6	Nâng cao tinh thần trách nhiệm của GV trong quá trình giảng dạy	3.50	0.50	5	Cần thiết
7	Rèn cho SV phương pháp tự học, tự	3.50	0.51	5	Cần



	rèn luyện thân thể, tăng cường tập luyện TDTT ngoại khóa.				thiết
8	Tăng cường và cải tiến nội dung chương trình cho phù hợp với đặc thù của SV và điều kiện thực tiễn của trường.	2.0	0.49	8	Không cần thiết

**Bảng 3.15. Các biện pháp được đề xuất**

Trong 8 biện pháp được chúng tôi đề xuất, có 4 biện pháp được đánh giá là “Rất cần thiết” với điểm TB từ 3.50 – 3.83, đó là : “Đổi mới phương pháp giảng dạy cho sinh động, hấp dẫn để nâng cao tính tích cực trong giờ học của SV” và “Nâng cao nhận thức về ý nghĩa, vai trò của GDTC cho sinh viên” đều có điểm TB là 3.83 (xếp thứ nhất); “Tổ chức nhiều chương trình ngoại khóa nâng cao chất lượng rèn luyện TDTT của SV”, “Rèn cho sinh viên ý thức tự giác, nỗ lực, ý chí vượt khó trong từng giờ học GDTC” có điểm TB là 3.67 (xếp thứ 3). Thông qua thực tiễn dạy học và bằng kinh nghiệm giảng dạy, GV nhận định đó là những biện pháp thiết thực để nâng cao tính tích cực học tập môn GDTC của SV. Tiếp theo là các biện pháp “Nâng cao tinh thần trách nhiệm của GV trong quá trình giảng dạy” và “Cải tạo, nâng cấp sân bãi, bổ sung dụng cụ phục vụ cho công tác giảng dạy và hoạt động TDTT” được đánh giá là “Cần thiết” với điểm TB là 3.50 (xếp thứ 5). Xếp cuối cùng là biện pháp: “Tăng cường và cải tiến nội dung chương trình cho phù hợp với đặc thù của SV và điều kiện thực tiễn của trường” được đánh giá là “Không cần thiết” vì đa số SV cảm thấy hài lòng với nội dung học tập hiện tại và GV đánh giá nội dung chương trình phù hợp với SV của nhà trường.

### **3.3.2. Nội dung và cách thức thực hiện các biện pháp**

*3.3.2.1. Biện pháp 1: Đổi mới phương pháp giảng dạy cho sinh động, hấp dẫn để nâng cao tính tích cực trong giờ học của SV.*

*\* Mục đích*

Giờ học GDTC có thực sự hấp dẫn và mang lại hứng thú cho SV hay không điều đó phụ thuộc phần lớn vào phương pháp giảng dạy và hình thức tổ chức lên lớp của giảng viên. Vì thế, cần áp dụng những biện pháp tổ chức lớp

sinh động, hứng thú, hấp dẫn nhằm lôi cuốn các em tự nguyện tham gia vào hoạt động tập luyện; thông qua hình thức tổ chức giờ học, tạo nên xúc cảm tập luyện bền vững, kích thích tính tự giác, tích cực của SV; đồng thời, khơi dậy hứng thú, xây dựng động cơ tập luyện trong sáng, làm nảy sinh nhu cầu mong đợi được tham gia tập luyện của SV.

*\* Nội dung và cách thức thực hiện*

Phân nhóm tập luyện, sử dụng phương pháp xoay vòng tập luyện, phương pháp tình huống...

Đưa phương pháp trò chơi vận động vào từng giáo án giảng dạy.

Vận dụng phương pháp thi đua, thi đấu kết hợp trong giờ tập.

Tối ưu hoá mật độ vận động. Giảm thiểu những điểm dừng không cần thiết trong giờ học.

Lôi cuốn mọi SV tham gia tập luyện, xử lý tình huống làm thăng hoa cảm xúc vận động.

Giảng viên cần vận dụng linh hoạt các hình thức lên lớp, kết hợp nội dung giờ học với các nhiệm vụ vận động. Thông qua các tình huống, nêu vấn đề, các trò chơi. Tổ chức thi đua giữa các nhóm, thi đấu giữa các lớp.

Tối ưu hoá mật độ vận động của giờ học bằng cách rút ngắn thời gian nghỉ ngơi thụ động, tăng cường kiểm tra lượng vận động, bố trí phân nhóm tập luyện và giao nhiệm vụ một cách hợp lý, khoa học.

Giảm thiểu những điểm dừng không cần thiết như: Chờ đợi thứ tự thực hiện động tác, giảng giải không đúng lúc, sự di chuyển đội hình quá nhiều trong tập luyện.

Tăng cường hiệu suất sử dụng dụng cụ tập luyện. Quản lý dụng cụ chặt chẽ, đồng thời gắn trách nhiệm chuẩn bị và bảo vệ dụng cụ tập luyện cho SV.

Bố trí SV tập luyện kết hợp với quan sát, nhận xét kết quả tập luyện của bạn, qua đó nâng cao nhận thức hoạt động của bản thân trong vận động và chuẩn bị cho thực hiện động tác tốt hơn.

Giảng viên cổ vũ SV cổ vũ lẫn nhau khi thực hiện đúng kỹ thuật bài tập.

Không nên tạo áp lực đối với những SV tập sai kỹ thuật cơ bản.

Giảng viên cổ vũ, khích lệ động viên SV học tập bằng cách sử dụng những ngôn ngữ biểu thị sự tán đồng, khuyến khích giúp người học nảy sinh và duy trì được sự lạc quan, vui vẻ ổn định.

Tổ chức các hoạt động giúp đỡ những em có sức khỏe yếu thực hiện động tác. Hướng dẫn SV cách bảo hiểm giúp đỡ bạn khác tập luyện.

Giảng viên cần kiểm tra đánh giá, nhận xét, uốn nắn, sửa sai kịp thời những sai sót kỹ thuật, rèn cho SV ý thức giữ gìn kỷ luật giờ học.

*\* Tiêu chí đánh giá và sản phẩm đạt được của biện pháp*

SV hứng thú và hài lòng đối với môn GDTC, các cảm xúc học tập như hứng thú, tích cực được cải thiện.

*3.3.2.2. Biện pháp 2: Nâng cao nhận thức về ý nghĩa, vai trò của GDTC cho sinh viên.*

*\* Mục đích:*

Nhằm tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức cho SV về vai trò, ý nghĩa và tác dụng của môn học GDTC, từ đó hình thành cho SV nhu cầu và động cơ học tập đúng đắn.

*\* Nội dung và cách thức thực hiện:*

Giáo dục động cơ học tập, hoàn thành chương trình và bài tập, bổ sung kiến thức môn GDTC, tạo niềm đam mê hứng thú với môn học. Hình thành nhu cầu học tập đúng đắn cho sinh viên, lĩnh hội nội dung tri thức môn học, những bài tập, động tác mà giảng viên giảng dạy. Động cơ học tập tốt không tự dung có mà cần phải được xây dựng, hình thành trong quá trình sinh viên đi sâu chiếm lĩnh tri thức với sự hướng dẫn của thầy, cô giáo.

Tổ chức cho SV tham gia các cuộc thi về TDDT, phổ biến kiến thức khoa học về TDDT thông qua các buổi hội thảo, tọa đàm.

Thông qua bài giảng trên lớp, giảng viên GDTC phải có nhiệm vụ liên hệ với thực tế giúp SV hiểu rõ vai trò, ý nghĩa, tác dụng và lợi ích của luyện tập TDDT.

Tăng cường giáo dục ý thức bằng nhiều hình thức tuyên truyền giáo dục như: Thông qua các bản tin của Trường, qua phong trào thi đua, các buổi sinh hoạt tập thể của Câu lạc bộ thể thao và thi đấu TDTT các cấp trong trường.

*\* Tiêu chí đánh giá và sản phẩm đạt được của biện pháp:*

Biểu hiện về nhận thức, cảm xúc học tập gia tăng, biểu hiện chú ý, biểu hiện hành vi và kết quả lĩnh hội được gia tăng.

*3.3.2.3. Biện pháp 3: Tổ chức nhiều chương trình ngoại khóa nâng cao chất lượng rèn luyện TDTT của SV*

*\* Mục đích*

Tạo sân chơi lành mạnh cho SV, tăng cường kỹ năng giao tiếp, nâng cao ý thức và thói quen rèn luyện TDTT một cách thường xuyên, giúp SV có được nhiều cơ hội tham gia tập luyện và thi đấu.

*\* Nội dung và cách thực hiện*

Thành lập các câu lạc bộ thể thao, xây dựng kế hoạch tập luyện cụ thể, ban quản lý năng động và khuyến khích SV tham gia tập luyện.

Tổ chức các giải thi đấu TDTT dành cho SV.

Tổ chức giao lưu giữa SV của nhà trường và SV của một số đơn vị khác.

Thông tin về các giải thi đấu thể thao dành cho SV bên ngoài nhà trường và khuyến khích SV tập luyện, tham gia.

*\* Tiêu chí đánh giá và sản phẩm đạt được của biện pháp*

Nhà trường có các câu lạc bộ thể thao, SV thường xuyên tham gia tập luyện, giao lưu, học tập lẫn nhau.

Kỹ năng tập luyện TDTT, thái độ tập luyện của SV tiến bộ.

SV tham gia tích cực vào các hoạt động TDTT trong và ngoài trường

*3.3.2.4. Biện pháp 4: Rèn cho SV ý thức tự giác, nỗ lực, ý chí vượt khó trong mỗi giờ học GDTC*

*\* Mục đích*

Nhằm rèn luyện và nâng cao ý thức tự giác, nỗ lực, ý chí vượt khó trong

mỗi giờ học GDTC cho SV, từ đó sẽ làm cho buổi học GDTC có hiệu quả và đạt chất lượng cao. Việc tự giác, nỗ lực giúp SV hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, kích thích tính hứng thú học tập của SV. Có ý chí vượt khó giúp SV không nản chí trong học tập và nắm bắt được kỹ thuật động tác một cách hiệu quả.

*\* Nội dung và cách thức thực hiện*

GV yêu cầu SV chuẩn bị tốt nội dung bài học; nghiêm túc, tích cực tham gia đầy đủ các buổi lên lớp. Ngoài khâu chuẩn bị bài mới, SV cũng cần phải biết ôn luyện bài cũ thành thạo hình thành kỹ năng, kỹ xảo trong tập luyện. Từ đó tạo nên quá trình liên hoàn: bài học trước là cơ sở cho bài học sau, bài học sau củng cố, hoàn thiện cho bài học trước.

SV phải biết tự giác và tích cực hoàn thành những bài tập được giao, tích cực giúp đỡ nhau trong tập luyện.

Động viên SV vượt khó trong tập luyện, xây dựng giáo án tập luyện riêng cho những SV gặp khó khăn trong việc tiếp thu kỹ thuật động tác.

*\* Tiêu chí đánh giá và sản phẩm đạt được của biện pháp*

Biểu hiện xúc cảm học tập gia tăng, nỗ lực ý chí tăng, ý thức học tập gia tăng, biểu hiện hành vi và kết quả lĩnh hội được gia tăng.

*3.3.2.5. Biện pháp 5: Cải tạo, nâng cấp sân bãi, bổ sung dụng cụ phục vụ cho công tác giảng dạy và hoạt động TDTT.*

*\* Mục đích*

Nhằm nâng cao số lượng và chất lượng sân tập, trang bị các thiết bị, dụng cụ phục vụ cho giảng dạy, tập luyện TDTT, tạo môi trường và điều kiện tốt cho công tác GDTC phát triển và đạt kết quả cao.

*\* Nội dung và cách thực hiện*

Mở rộng cải tạo và nâng cấp sân tập, đường chạy, hố nhảy xa để có thể tận dụng tối đa điều kiện của trường phục vụ giảng dạy và hoạt động phong trào TDTT cho SV và giảng viên.

Quản lý và khai thác tốt cơ sở vật chất phục vụ cho các môn thể thao tự

chọn và ngoại khóa mà SV có nhu cầu tập luyện.

Mua sắm bổ sung trang thiết bị, dụng cụ phục vụ cho giảng dạy và tập luyện TDTT đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng.

Về cơ sở vật chất: Bộ môn GDTC hàng năm đều có đề nghị nhà trường cho sửa chữa, cải tạo nâng cấp sân bãi và đề xuất mua sắm bổ sung trang thiết bị dụng cụ dành cho việc giảng dạy và học tập.

Về kinh phí: Hàng năm Ban giám hiệu nhà trường quan tâm tạo điều kiện về kinh phí tổ chức các hoạt động TDTT trong trường, tham gia các giải thể thao do các cấp tổ chức...

*\* Tiêu chí đánh giá và sản phẩm đạt được của biện pháp*

Số lượng sân bãi được sửa chữa, cải thiện; số trang thiết bị, dụng cụ tập luyện TDTT phục vụ cho công tác giảng dạy các môn thể thao mà SV có nhu cầu tập luyện, số kinh phí đầu tư cho cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động TDTT được nâng cao về chất lượng. Các tiêu chí đánh giá cảm xúc học tập của SV được cải thiện đáng kể.

*3.3.2.6. Biện pháp 6: Nâng cao tinh thần trách nhiệm của giảng viên trong quá trình giảng dạy GDTC.*

*\* Mục đích*

Trong giờ học GDTC, SV có tích cực hay không phụ thuộc phần lớn vào phương pháp giảng dạy, hình thức tổ chức lên lớp và thái độ giảng dạy của giảng viên. Giảng viên như một tấm gương sáng để sinh viên noi theo. Giảng viên giảng dạy có trách nhiệm, nhiệt tình thì sẽ mang lại kết quả cao trong hoạt động dạy và học. Đây là một trong những biện pháp trọng yếu.

*\* Nội dung và cách thức thực hiện*

Hồ sơ, giáo án giảng dạy: Giảng viên lên lớp phải có đầy đủ giáo án, sổ điểm danh SV.

Kỷ luật về giờ giấc của giảng viên: Lên lớp xuống lớp đúng giờ (không vào muộn ra sớm).

Tôn trọng bản thân: Trang phục lên lớp phải phù hợp, tư thế, tác phong

phải chuyên nghiệp.

Tôn trọng SV: Ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy đúng mực, động viên khuyến khích SV trong giờ học chính khóa và ngoại khóa.

Trình độ chuyên môn phải đạt chuẩn.

Giờ dạy phải có chất lượng, mang lại hứng thú cho SV. Không lên lớp kiểu đối phó cho hết giờ.

Giảng viên Bộ môn GDTC tập luyện và tham gia thi đấu các giải Thể thao trong và ngoài nhà trường cùng sinh viên để tạo không khí tập luyện TDTT sôi nổi cho SV.

*\* Tiêu chí đánh giá và sản phẩm đạt được của biện pháp*

Hồ sơ lên lớp được chuẩn bị đầy đủ theo quy định; tác phong, giao tiếp su phạm của giảng viên chuẩn mực; trình độ chuyên môn của GV đảm bảo theo quy định.

*3.3.2.7. Biện pháp 7: Rèn luyện phương pháp tự học, tự rèn luyện thân thể, tăng cường tập luyện TDTT ngoại khóa cho SV.*

*\* Mục đích*

Nhằm rèn khả năng tự học, tự rèn luyện cho SV. Tự học là hoạt động tự giác, tự lập của SV. Tự học diễn ra ở mọi nơi, mọi lúc, có khi quá trình tự học diễn ra bên ngoài nhà trường. Sinh viên cần tự học, tập tập luyện các môn thể thao theo khả năng, sở thích của mình và gắn liền với các hoạt động TDTT trong và ngoài trường. Rèn kỹ năng tự học, tự tập luyện là hành vi rất quan trọng để nâng cao thái độ tự giác tích cực của người học đối với môn học GDTC.

*\* Nội dung và cách thức thực hiện*

Sinh viên dưới sự hướng dẫn của giảng viên hình thành các kỹ năng tự học như: tự chuẩn bị tốt bài học trước khi lên lớp, xây dựng kế hoạch tự tập luyện, tăng khả năng làm việc theo nhóm....Sinh viên tự tập luyện TDTT trong giờ chính khóa và ngoại khóa cũng như rèn luyện thân thể mỗi ngày.

Sinh viên cũng cần phải biết sử dụng các phương tiện công nghệ thông

tin hiện đại để tìm kiếm và xử lý nguồn tư liệu trên mạng Internet có liên quan đến bài học, bài tập, kỹ thuật bài tập TDDT theo sự hướng dẫn của giảng viên. Cần xác định nhu cầu và sở thích tập luyện của mình là môn thể thao nào và đăng ký tập luyện ngoại khóa theo câu lạc bộ trong và ngoài trường.

Chuẩn bị học môn GDTC cần tìm hiểu nội dung chương trình môn GDTC gồm những môn thể thao nào, những bài tập GDTC..thông qua trang Web của trường hoặc thông qua giáo viên giảng dạy để tập thử kỹ thuật động tác của các môn thể thao đã từng học ở trường THPT và các môn thể thao chưa từng học, kiểm tra sức khỏe và thể lực của mình, đánh giá ưu thế và hạn chế để lựa chọn các bài tập đơn giản tập luyện tại nhà.

*\* Tiêu chí đánh giá và sản phẩm đạt được của biện pháp*

Biểu hiện ý chí gia tăng, biểu hiện hành vi và kết quả lĩnh hội được gia tăng; tham gia tập luyện tại CLB TDDT thường xuyên.



### Tiểu kết chương 3

Qua tiến trình điều tra và khảo sát một cách khách quan và sử dụng phối hợp nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau, thực trạng tích cực học tập môn GDTC của SV trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk đã được nghiên cứu một cách toàn diện và kỹ lưỡng.

Thực trạng chỉ ra hầu hết SV đều nhận thức được tầm quan trọng và vai trò, ý nghĩa của môn GDTC trong nhà trường. Tuy nhiên sinh viên chưa nhận thức rõ được vai trò và ý nghĩa cụ thể của môn GDTC đối với sự phát triển của bản thân. Bên cạnh những vai trò của môn GDTC được SV đánh giá là quan trọng đối với việc hình thành các kỹ năng và thói quen tập luyện TDTT thì SV đánh giá vai trò của GDTC trong việc trang bị nền tảng thể lực, các tố chất vận động, tạo thói quen thường xuyên tập luyện TDTT là không thật đáng kể. Nhận thức này có thể xuất phát từ sự hiểu biết chưa sâu sắc và thực tiễn thói quen sinh hoạt, tập luyện của SV.

Nhìn chung SV có thái độ và hành động học tập môn GDTC khá tích cực. Tuy nhiên thái độ sốt sắng thực hiện bài tập được giao còn ít, cần phải cải thiện. Việc giúp đỡ bạn trong giờ học, tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa và tự tìm hiểu các nội dung học tập bằng các nguồn thông tin bên ngoài còn rất hạn chế.

SV có kết quả lĩnh hội tương đối tốt, tuy nhiên kết quả học tập tỉ lệ khá giỏi còn chưa cao, vẫn còn SV có điểm xếp loại yếu. Điều này phản ánh đúng thực trạng tích cực học tập của SV.

Các yếu tố ảnh hưởng tới tính tích cực học tập môn GDTC của SV bao gồm cả các yếu tố chủ quan và khách quan. Các yếu tố chủ quan như nhận thức của SV; hứng thú học tập; ý thức nỗ lực học tập; động cơ, mục tiêu học tập của SV... Các yếu tố khách quan bao gồm tình trạng sức khỏe và thể lực của SV; phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá của GV; nội dung chương trình, cơ sở vật chất của nhà trường...

Từ thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến tính tích cực học tập môn

GDTC của SV, chúng tôi đã đề xuất được 8 biện pháp nhằm nâng cao tính tích cực học tập cho SV, trong đó thông qua đánh giá của GV thì có 7 biện pháp cần thiết và có tính khả thi.

Kết quả thu được của sáng kiến: 6 biện pháp nhằm nâng cao tính tích cực học tập môn GDTC cho sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk được áp dụng để nâng cao hiệu quả dạy và học môn GDTC tại nhà trường cũng như có thể áp dụng nâng cao tính tích cực học tập môn GDTC cho các trường học khác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

## **PHẦN KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ**

### **1. Kết luận**

Thực trạng tích cực học tập của sinh viên trong giờ học GDTC tại trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk thông qua các biểu hiện về nhận thức vai trò của GDTC, thái độ học tập, hành động học tập, kết quả lĩnh hội; các biểu hiện này được đánh giá bằng các tiêu chí cụ thể đảm bảo độ tin cậy như: nhận biết tầm quan trọng của GDTC, hứng thú và tập trung trong giờ học, chấp hành tốt nội quy, tự giác tập luyện TDTT... Qua điều tra, phân tích và đánh giá cho thấy thực trạng tích cực học tập môn GDTC của sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk vẫn còn nhiều mặt chưa thật sự tích cực, chưa tốt và điều này bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác nhau, xuất phát từ nhiều nguyên nhân. Vì thế việc tìm ra các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập cho sinh viên là vô cùng cần thiết.

Kết quả nghiên cứu đã lựa chọn được 7 biện pháp nâng cao tích cực học tập cho SV trong giờ học GDTC như: nâng cao nhận thức về ý nghĩa, vai trò của GDTC; rèn luyện phương pháp tự học, tự rèn luyện thân thể, tăng cường tập luyện TDTT ngoại khóa cho sinh viên; nâng cao tinh thần trách nhiệm của giảng viên trong quá trình giảng dạy GDTC; đổi mới phương pháp giảng dạy cho sinh động, hấp dẫn để nâng cao tính tích cực trong giờ học của SV; Cải tạo, nâng cấp sân bãi, bổ sung dụng cụ phục vụ cho công tác giảng dạy và hoạt động TDTT.

### **2. Kiến nghị**

#### **2.1. Về phía nhà trường**

Có kế hoạch xây dựng và thường xuyên tổ chức các chương trình hoạt động TDTT ngoại khóa cho SV tham gia, tạo sân chơi lành mạnh cho các em, thúc đẩy phong trào tập luyện TDTT của nhà trường ngày một tốt hơn.

Hàng năm nhà trường có kế hoạch nâng cấp sân bãi, bổ sung dụng cụ phục vụ cho công tác dạy và học GDTC.

## **2.2. Về phía giảng viên**

Tăng cường nâng cao nhận thức của SV về vai trò và ý nghĩa của môn học GDTC đối với sự phát triển của bản thân các em trong việc rèn luyện sức cũng như các lợi ích khác.

Nâng cao tinh thần trách nhiệm trong mỗi giờ lên lớp, quản lý lớp học sát sao, đổi mới phương pháp dạy học tạo hứng thú cho SV.

## **2.3. Về phía sinh viên**

SV cần nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng và vai trò của GDTC đối với sự phát triển của bản thân; từ đó xác định được cụ thể mục tiêu học tập và rèn luyện môn học một cách đúng đắn và có phương pháp học tập hiệu quả.

SV phải xác định được động cơ học tập GDTC, sinh viên có trách nhiệm với bản thân trong việc rèn luyện sức khỏe, từ đó xây dựng ý thức tập luyện thể thao như một thói quen lành mạnh. Sinh viên phải biết xây dựng kế hoạch tự tập luyện gắn với môn thể thao phù hợp với trình độ và sự yêu thích của bản thân ngoài giờ học trên lớp.

Sinh viên phải có thái độ học tập nghiêm túc, khắc phục tình trạng đi học trễ và vắng học, cần có thái độ sốt sắng và nỗ lực hoàn thành các bài tập được giao. Sinh viên cần có ý thức tập luyện nghiêm túc, cùng giúp đỡ bạn để tạo ra môi trường học tập tích cực.

Sinh viên cần tích cực tham gia các hoạt động TDTT ngoại khóa do nhà trường và các đoàn thể tổ chức; mạnh dạn đề nghị với giảng viên các đề xuất để nâng cao hiệu quả học tập và rèn luyện môn GDTC của bản thân.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng việt:

1. Nguyễn Thị Kim Anh (2015), *Nghiên cứu thực trạng về sự nỗ lực của sinh viên dành cho hoạt động học tập tại trường Đại học sư phạm kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn thạc sỹ.
2. Babanxki (1981), *Tích cực hóa quá trình dạy học*, cục đào tạo và bồi dưỡng, Bộ giáo dục.
3. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2008), "*Số 53/2008/QĐ-BGDĐT, Quyết định Ban hành Quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh sinh viên*", Bộ GD&ĐT, Hà Nội.
4. Bộ Giáo dục và đào tạo, Thông tư số 25/2015 ngày 14/10/2015 *Quy định về chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học*.
5. Carroll E.Jzard (1992), *Những cảm xúc của người*, NXB Giáo dục
6. Đỗ Thị Coảng (2003), *Nâng cao tính tự giác của tính tích cực trong hoạt động học tập của sinh viên*, Tạp chí Tâm lý học, số 3, tr60 -63
7. Vũ Dũng (2000), *Tâm lý học xã hội*, NXB Khoa học xã hội.
8. Hồ Ngọc Đại (1983), *Tâm lý học dạy học*, NXB Giáo Dục.
9. Nguyễn Hồng Đạo (2014), "*Xây dựng một số biện pháp để nâng cao tính tích cực trong giờ học GDTC của sinh viên trường Đại học đại học Kiến Trúc TP. HCM*", luận văn thạc sĩ.
- 10.Đỗ Văn Đạt (2024), *Đánh giá sự biến đổi thể lực của sinh viên sau khi hoàn thành chương trình môn học Giáo dục thể chất I và Giáo dục thể chất II tại trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk*, Đề tài cơ sở năm 2024.
11. Trần Anh Đức (2018) với đề tài "*Nghiên cứu các biện pháp nâng cao tính tự giác, tích cực của học sinh trong giờ học GDTC tại Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh*", luận văn Thạc sỹ, trường đại học TDTT thành phố Hồ Chí Minh.

12. Phạm Minh Hạc (1996), *Tuyển tập tâm lý học J. Piaget*, NXB Giáo dục Hà Nội.
13. Hoàng Thế Hải (2011), *Cấu trúc tâm lý tích cực học tập của sinh viên*, Tạp chí Khoa học xã hội, nhân văn và giáo dục.
14. Võ Xuân Hải (2019) “*Nghiên cứu ứng dụng một số biện pháp nâng cao tính tích cực trong giờ học Giáo dục thể chất cho học sinh trường Trung học phổ thông Phan Bội Châu, thị trấn Di Linh, tỉnh Lâm Đồng*”, luận văn Thạc sỹ, trường đại học TĐTT thành phố Hồ Chí Minh.
15. Nguyễn Kế Hào (1995), *Hoạt động dạy học và năng lực sư phạm*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
16. Trần Bá Hoàn, Lê Tràng Định, Phó Đức Hòa (2003), *Áp dụng dạy và học tích cực trong môn Tâm lý giáo dục*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.
17. Lê Văn Hồng (chủ biên) (2007), *Tâm Lý Học lứa tuổi*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
18. Trịnh Thanh Hùng, *Sinh cơ và huấn luyện thể thao*, NXB thành phố Hồ Chí Minh
19. Trần Thị Hương (chủ biên) (2009), *Giáo trình giáo dục học đại cương*, Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.
20. Đặng Thành Hưng (2002), *Dạy học hiện đại lý luận biện pháp kỹ thuật*, NXB ĐHQG, HN.
21. J. Piaget (1996), *Tuyển tập tâm lý học*, NXB Giáo dục, Hà Nội
22. Nguyễn Kỳ (1995), *Phương pháp giáo dục tích cực lấy người học làm trung tâm*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
23. Lê Ngọc Lan (1994), *Động cơ học tập của học sinh*, Tạp chí nghiên cứu giáo dục, số 7.
24. Nguyễn Duy Linh “*Nghiên cứu một số giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục thể chất cho học sinh trường trung học giao thông vận tải TW I*”, luận văn thạc sỹ giáo dục học.

25. Hoàng Xuân Bích Loan (2008), *Nâng cao sự hài lòng của khách hàng tại ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – chi nhánh TP. HCM*, Luận văn thạc sỹ kinh tế.
26. Nguyễn Văn Lũy (2001), *Nghiên cứu đặc điểm nhu cầu nhận thức của học sinh kém bậc tiểu học*, luận án tiến sĩ Tâm lý học, Hà Nội.
27. Hoàng Thị Mỹ Nga và Nguyễn Tuấn Kiệt (2016), *Phân tích các nhân tố tác động đến động lực học tập của sinh viên kinh tế trường Đại học Cần Thơ*, Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ, Phần D: Khoa học chính trị, Kinh tế và Pháp luật.
28. Phan Trọng Ngọ (2005), *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*, NXB Đại Học Sư Phạm
29. Vũ Kim Ngọc (2010), *Tính tích cực nhận thức và mối quan hệ của nó với kết quả học tập của sinh viên trường cao đẳng sư phạm trung ương TP. HCM*
30. Phạm Thành Nghị (1992), *Tâm lý học sư phạm Đại học*, NXB Giáo dục.
31. Nguyễn Bích Như (2013), *Đánh giá sự hài lòng của sinh viên đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên Trường Cao đẳng Sư phạm Sóc Trăng*, Luận văn thạc sỹ.
32. Trương Oanh (2024), *Mục tiêu học tập: Ý nghĩa, Cách xác định và thiết lập dài hạn*, Tạp chí tâm lý học 2024
33. P.A Rudich (1980), *Tâm lý học thể dục thể thao*, NXB thể dục thể thao, Hà Nội
34. Nguyễn Tiên Phong (2010) “*Nghiên cứu biện pháp nâng cao chất lượng GDTC cho sinh viên đại học kinh tế - quản trị - kinh doanh trường Đại học Thái Nguyên*”, luận văn Thạc sỹ, trường đại học TĐTT Từ Sơn, Bắc Ninh.
35. Nguyễn Thanh Phương (2009), *Tìm hiểu tính tự giác, tích cực, độc lập sáng tạo trong học tập của sinh viên trường đại học sư phạm tp Hồ Chí Minh*, khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại Học Sư Phạm TP Hồ Chí Minh.

- 36.Đỗ Hồng Quân, “*Nghiên cứu một số biện pháp nâng cao chất lượng công tác giáo dục thể chất ở học viện kỹ thuật quân sự*”, luận văn thạc sĩ giáo dục học
- 37.Nguyễn Xuân Sinh (2012) với đề tài “*Biện pháp nâng cao tính tự giác, tích cực trong giờ học Thể dục của học sinh trường THCS Nguyễn Trãi, thành phố Sơn La*”, luận văn Thạc sĩ, trường đại học TDTT Từ Sơn, Bắc Ninh.
- 38.Huỳnh Văn Sơn, *Tâm lý học giáo dục đại học*, NXB Đại học sư phạm TP. HCM
- 39.Phạm Văn Tuấn (2015), *Các yếu tố ảnh hưởng đến tính tích cực tự học của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh*, Tạp chí khoa học trường Đại học An Giang.
- 40.Nguyễn Xuân Thức (1997), *Nghiên cứu tính tích cực giao tiếp của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi trong hoạt động vui chơi*, luận án tiến sĩ, khoa sư phạm Tâm lý, Hà Nội.
- 41.Thái Duy Tuyên (2001), *Giáo dục hiện đại*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia
- 42.Thái Duy Tiên, *Phát huy tính tích cực nhận thức của người học, viện khoa học giáo dục*, web từ sách khoa học.
- 43.Nguyễn Tiên Tiến, cùng các cộng sự (2015), *Giáo trình lý luận và phương pháp giảng dạy Đại học TDTT*, NXB ĐHQG TP.HCM.
- 44.Nguyễn Thị Tình (2007), *Về khái niệm tính tích cực giảng dạy của giảng viên Đại học*, Tạp chí Tâm lý học, số 4.
45. Nguyễn Toán – Phạm Danh Tồn (2006), *Lý luận và phương pháp TDTT*, NXB TDTT Hà Nội.
- 46.Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, NXB Hồng Đức, 2008.
- 47.Trần Thanh Tùng (2007) “*Một số biện pháp nâng cao hứng thú trong giờ GDTC chính khóa của sinh viên tại trường đại học Hà Nội*”, luận văn Thạc sĩ, trường đại học TDTT Từ Sơn, Bắc Ninh.



48. Thái Duy Tuyên (1999), *Những vấn đề cơ bản giáo dục hiện đại*, NXB giáo dục, Hà Nội.
49. Nguyễn Ánh Tuyết (1999), *Tâm lý học trẻ em*, NXB Giáo dục, Hà Nội
50. Nguyễn Thành Trung (2015), *Một số biện pháp nâng cao tính tích cực trong giờ học Giáo dục học thể chất của sinh viên trường Đại học Tây Đô*, luận văn thạc sĩ.
51. Phạm Thị Diệu Vân (1964), *Làm cho học sinh tích cực chủ động và độc lập sáng tạo trong giờ lên lớp*, Tâm lý giáo dục Đại học sư phạm HN.
52. Nguyễn Hùng Vĩ (2007), *Một số biện pháp nâng cao tính tích cực trong giờ học GDTC của sinh viên không chuyên trường Đại học Bạc Liêu*, luận văn thạc sĩ.
53. Viện ngôn ngữ học (2001), *Từ điển Tiếng Việt*, Nhà xuất bản Đà Nẵng.
54. Đỗ Vĩnh (2005), *Giáo trình tâm lý học TDTT*, tài liệu giảng dạy cao học, trường Đại học TDTT II TP. HCM.
55. Nguyễn Như Ý (1996), *Từ điển Tiếng Việt thông dụng*, Nhà xuất bản Giáo dục.

**Tiếng Anh:**

56. Ames, C. (1984), *Self related cognition's in anxiety and motivation, Conceptions of motivation within competitive and noncompetitive goal structures. In R, Schwarzer (Ed.) 229 – 245.*
57. Kotler, P., (2001), *Marketing Management, Millenium Edition*, New Jersey 07458.
58. Bachelet, D. (1995), “*Measuring satisfaction; or the Chain, the Tree and the Nest*”, *Customer Satisfaction Research, Brooker, R. (ed)*, Emosar.
59. Oliver, Richard (1981), “*Measurement and Evaluation of Satisfaction Process in Retail Settings*”, *Journal of Retailing*, 57, 25 – 48.
60. Robertson, J. S. (2000), *Is attribution training a worthwhile classroom intervention for K-12 students with learning difficulties?*, *Educational Psychology Review*.

**Website:**

61. <http://dantri.com.vn/c25/s25-252276/hon-50-sinh-vien-khong-hung-thu-hoc-tap.htm>
62. <http://luanvan.net.vn/luan-van/luan-an-nghien-cuu-tinh-tich-cuc-hoc-tap-mon-tam-ly-hoc-cua-sinh-vien-dai-hoc-su-pham-hai-phong>
63. <https://tapchigiaoduc.moet.gov.vn/vi/magazine/tag/t%C3%ADnh-t%C3%ADch-c%E1%BB%B1>
64. <http://www.dlc.edu.vn>
65. [https://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/T%C3%ADnh\\_t%C3%ADch\\_c%E1%BB%B1c\\_nh%E1%BA%ADn\\_th%E1%BB%A9c\\_c%E1%BB%A7a\\_ng%C6%B0%E1%BB%9Di\\_h%E1%BB%8Dc](https://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/T%C3%ADnh_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c_nh%E1%BA%ADn_th%E1%BB%A9c_c%E1%BB%A7a_ng%C6%B0%E1%BB%9Di_h%E1%BB%8Dc)
66. <https://toc.123docz.net/document/1338483-khai-niem-ve-tinh-tich-cuc-trong-hoc-tap-cua-hoc-sinh-cac-bieu-hien-cua-tinh-tich-cuc-hoc-tap.htm>
67. <http://www.tamlyhoc.net>
68. <http://www.edu.net>
69. <http://www.wikipedia.org>  
<https://myaloha.vn/nguyen-truong-giang/blog/ebook-sinh-ly-hoc-tdtt-267>

**PHỤ LỤC**  
**PHIẾU TRUNG CẦU Ý KIẾN**  
*(Dành cho Sinh viên)*

Nhằm tìm hiểu tính tích cực học tập môn GDTC của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk, các em vui lòng trả lời một số câu hỏi bằng cách chọn những đáp án phù hợp với câu trả lời phù hợp với mình.

*Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của các em!*

**Hướng dẫn trả lời:**

- Xin vui lòng đánh dấu **X** vào phương án trả lời của bạn.
- Xin vui lòng trả lời tất cả các câu hỏi, trả lời lần lượt từ trên xuống dưới để đảm bảo không bị sót câu trả lời.
- Xin vui lòng ghi thêm ý kiến hoặc con số của các bạn: .....

**Phần 1: Thông tin cá nhân**

Họ và tên: .....(có thể ghi hoặc không)  
Giới tính: Nam  Nữ  Dân tộc: .....  
Ngành đào tạo: Giáo dục mầm non - Hệ chính quy - Năm thứ .....  
Trường: Cao đẳng sư phạm Đắk Lắk

**Phần 2: Nội dung câu hỏi**

Câu 1: Em hãy cho biết môn học GDTC trong Nhà trường có quan trọng không?

- Có
- Không

Vì sao?

Câu 2: Em hãy cho biết môn học GDTC trong Nhà trường có mức độ cần thiết như thế nào?

- Rất cần thiết
- Cần thiết
- Ít cần thiết
- Không cần thiết

Câu 3: Em hãy cho biết mức độ quan trọng của môn GDTC trong các vai trò cụ thể sau?

STT	Vai trò của GDTC	Mức độ
-----	------------------	--------

		<b>Rất quan trọng</b>	<b>Quan trọng</b>	<b>Ít quan trọng</b>	<b>Không quan trọng</b>
1	Trang bị những kỹ năng vận động cần thiết				
2	Trang bị nền tảng thể lực, các tố chất vận động, sẵn sàng cho các hoạt động khác.				
3	Nâng cao sức khỏe, phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần				
4	Tạo cơ hội giao lưu, học hỏi, tăng cường khả năng giao tiếp.				
5	Tăng cường khả năng phối hợp, hợp tác, tổ chức, phát huy tinh thần đồng đội				
6	Tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích				
7	Tạo thói quen thường xuyên tập luyện TDTT				

Câu 4: Em hãy cho biết sự tập trung, chú ý của bản thân trong giờ học trong giờ học GDTC?

- Rất tập trung, chú ý
- Tập trung, chú ý
- Ít tập trung, chú ý
- Không tập trung, chú ý

Câu 5: Em hãy cho biết sự nỗ lực, tự giác tập luyện của bản thân trong giờ học GDTC?

- Rất nỗ lực, tự giác
- Nỗ lực, tự giác
- Ít nỗ lực, tự giác
- Không nỗ lực, tự giác

Câu 6: Em hãy cho biết sự sốt sắng thực hiện bài tập được giao của bản thân trong giờ học GDTC?

- Rất sốt sáng
- Sốt sáng
- Ít sốt sáng
- Không sốt sáng

Câu 7: Em hãy cho biết sự hứng thú của bản thân trong giờ học GDTC?

- Rất hứng thú
- Hứng thú
- Ít hứng thú
- Không hứng thú

Câu 8: Em hãy cho biết sự yêu thích của bản thân đối với giờ học GDTC?

- Rất yêu thích
- Yêu thích
- Ít yêu thích
- Không yêu thích

Câu 9: Em hãy cho biết sự hài lòng của bản thân về giờ học GDTC?

- Rất hài lòng
- Hài lòng
- Ít hài lòng
- Không hài lòng

Câu 10: Em hãy cho biết các hành động học tập môn GDTC của bản thân ở mức độ nào sau đây?

Stt	Hành động học tập	Mức độ			
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1	Đi học đầy đủ, đúng giờ				
2	Chấp hành tốt nội quy giờ học				
3	Chăm chỉ tập luyện trong giờ học				
4	Giúp đỡ bạn trong tập luyện				
5	Hoàn thành các bài tập được giao.				
6	Tham gia tập luyện ngoại khóa TDTT				
7	Tự tìm hiểu các nội dung học tập bằng các nguồn thông tin khác				

Câu 11: Em hãy cho biết khả năng tiếp thu các kỹ thuật động tác của bài tập GDTC của bản thân ở mức độ nào sau đây?

(*Tốt: Vận dụng thành thạo kỹ thuật động tác, Khá: Hiểu rõ kỹ thuật động tác, Trung bình: Ghi nhớ được kỹ thuật động tác, Yếu: Không nhớ được kỹ thuật động tác*).

- Tốt
- Khá
- Trung bình
- Yếu

Câu 12: Em hãy cho biết kỹ năng thực hiện các kỹ thuật động tác bài tập GDTC của bản thân sau khi hoàn thành quá trình học tập?

- Thành thạo
- Cơ bản đúng
- Thực hiện được
- Không thực hiện được

Câu 13: Em hãy đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố chủ quan và khách quan sau tới tính tích cực học tập môn GDTC của bản thân?

Stt	Các yếu tố chủ quan	Mức độ ảnh hưởng			
		Rất ảnh hưởng	Ảnh hưởng	Ít ảnh hưởng	Không ảnh hưởng
1	Nhận thức của SV về ý nghĩa, vai trò của môn GDTC				
2	Động cơ và mục tiêu học tập môn GDTC của SV.				
3	Phương pháp học tập môn GDTC của SV.				
4	Ý thức nỗ lực học tập của SV				
5	Sự tự giác hoàn thành các bài tập được giao của SV				
6	Sự hứng thú và yêu thích môn học của SV				
7	Tự giác rèn luyện TDTT ngoài giờ học				

Stt	Các yếu tố khách quan	Mức độ ảnh hưởng			
		Rất ảnh hưởng	Ảnh hưởng	Ít ảnh hưởng	Không ảnh hưởng
1	Tình trạng sức khỏe và thể lực của sinh viên				
2	Sự nỗ lực tập luyện và giúp đỡ lẫn nhau của các bạn cùng lớp.				
3	Sự bao quát, cách quản lý lớp học của GV trong giờ học				
4	Phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá môn GDTC của GV				
5	Nội dung chương trình môn GDTC của nhà trường				
6	Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ quá trình dạy và học môn GDTC của nhà trường.				
7	Các chương trình tập luyện ngoại khóa của nhà trường dành cho sinh viên				

Câu 14: Trong quá trình học tập môn GDTC, bản thân em thường gặp những khó khăn gì, vì sao?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 15: Em có đề xuất gì với nhà trường, Khoa GDMN, Tổ GDTC, Giảng viên giảng dạy GDTC để nâng cao tính tích cực học tập của bản thân?

.....

.....

.....

## PHIẾU TRUNG CẦU Ý KIẾN

(Dành cho Giảng viên)

Nhằm tìm hiểu tính tích cực học tập môn GDTC của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk, và góp phần nâng cao chất lượng dạy và học bộ môn GDTC, thầy cô vui lòng giúp đỡ bằng cách trả lời những câu hỏi sau.

*Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của các thầy/cô!*

### Phần 1: Thông tin cá nhân

Họ và tên.....(có thể ghi hoặc không)

Giới tính: Nam  Nữ  Thâm niên công tác.....năm

Lĩnh vực chuyên môn:

Bộ môn: .....

Khoa: .....

Trường: Cao đẳng sư phạm Đắk Lắk

### Phần 2: Nội dung câu hỏi

*Quý Thầy/ Cô hãy đánh dấu (X) vào ô trống đối với những ý kiến phù hợp với quan niệm của mình hoặc trả lời vào những dòng (...)*

Câu 1: Thầy (cô) hãy cho biết sinh viên có nhận thức được tầm quan trọng của môn học GDTC trong Nhà trường đối với bản thân không?

Có

Không

Câu 2: Thầy (cô) hãy cho biết sinh viên nhận thức về sự cần thiết của môn học Giáo dục thể chất trong nhà trường như thế nào?

Rất cần thiết

Cần thiết

Ít cần thiết

Không cần thiết

Câu 3: Thầy (cô) hãy cho biết sự tập trung, chú ý của sinh viên trong giờ học trong giờ học GDTC ở mức độ nào sau đây?

Rất tập trung, chú ý

Tập trung, chú ý

Ít tập trung, chú ý

Không tập trung, chú ý

Câu 4: Thầy (cô) hãy cho biết sự nỗ lực, tự giác tập luyện của sinh viên trong giờ học GDTC ở mức độ nào sau đây?



- Rất nỗ lực, tự giác
- Nỗ lực, tự giác
- Ít nỗ lực, tự giác
- Không nỗ lực, tự giác

Câu 5: Thầy (cô) hãy cho biết sự sốt sắng thực hiện bài tập được giao của sinh viên trong giờ học GDTC ở mức độ nào sau đây?

- Rất sốt sắng
- Sốt sắng
- Ít sốt sắng
- Không sốt sắng

Câu 6: Thầy (cô) hãy cho biết sự hứng thú của sinh viên trong giờ học GDTC ở mức độ nào sau đây?

- Rất hứng thú
- Hứng thú
- Ít hứng thú
- Không hứng thú

Câu 7: Thầy (cô) hãy cho biết sự yêu thích của sinh viên đối với giờ học GDTC ở mức độ nào sau đây?

- Rất yêu thích
- Yêu thích
- Ít yêu thích
- Không yêu thích

Câu 8: Thầy (cô) hãy cho biết sự hài lòng của sinh viên đối với giờ học GDTC ở mức độ nào sau đây?

- Rất hài lòng
- Hài lòng
- Ít hài lòng
- Không hài lòng

Câu 9: Thầy (cô) hãy cho biết các hành động học tập môn GDTC của sinh viên ở mức độ nào sau đây?

Stt	Mức độ			
	Rất	Thường	Thỉnh	Không

		thường xuyên	xuyên	thoảng	bao giờ
1	Đi học đầy đủ, đúng giờ				
2	Chấp hành tốt nội quy giờ học				
3	Chăm chỉ tập luyện trong giờ học				
4	Giúp đỡ bạn trong tập luyện				
5	Hoàn thành các bài tập được giao.				
6	Tham gia tập luyện ngoại khóa TDDT				
7	Tự tìm hiểu các nội dung học tập bằng các nguồn thông tin khác				

Câu 10: Thầy (cô) hãy cho biết khả năng tiếp thu các kỹ thuật động tác bài tập GDTC của sinh viên ở mức độ nào sau đây?

(Tốt: Vận dụng thành thạo kỹ thuật động tác, Khá: Hiểu rõ kỹ thuật động tác, Trung bình: Ghi nhớ được kỹ thuật động tác, Yếu: Không nhớ được kỹ thuật động tác).

- Tốt  
 Khá  
 Trung bình  
 Yếu

Câu 11: Thầy (cô) hãy cho biết kỹ năng thực hiện các kỹ thuật động tác bài tập GDTC của sinh viên sau khi hoàn thành quá trình học tập ở mức độ nào sau đây?

- Thành thạo  
 Cơ bản đúng  
 Thực hiện được  
 Không thực hiện được

Câu 12: Thầy (cô) hãy đánh giá mức độ ảnh hưởng của các chủ quan và khách quan sau được đề xuất tới tính tích cực học tập môn GDTC của SV?

Stt	Các yếu tố chủ quan	Mức độ ảnh hưởng			
		Rất ảnh hưởng	Ảnh hưởng	Ít ảnh hưởng	Không ảnh hưởng
1	Nhận thức của SV về ý nghĩa, vai trò của môn GDTC				

2	Động cơ và mục tiêu học tập môn GDTC của SV.				
3	Phương pháp học tập môn GDTC của SV.				
4	Ý thức nỗ lực học tập của SV				
5	Sự tự giác hoàn thành các bài tập được giao của SV				
6	Sự hứng thú và yêu thích môn học của SV				
7	Tự giác rèn luyện TDTT ngoài giờ học của SV				
<b>Stt</b>	<b>Các yếu tố khách quan</b>	<b>Mức độ ảnh hưởng</b>			
		<b>Rất ảnh hưởng</b>	<b>Ảnh hưởng</b>	<b>Ít ảnh hưởng</b>	<b>Không ảnh hưởng</b>
1	Tình trạng sức khỏe và thể lực của sinh viên				
2	Sự nỗ lực tập luyện và giúp đỡ lẫn nhau của các bạn cùng lớp.				
3	Sự bao quát, cách quản lý lớp học của GV trong giờ học				
4	Phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá môn GDTC của GV				
5	Nội dung chương trình môn GDTC của nhà trường				
6	Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ quá trình dạy và học môn GDTC của nhà trường.				
7	Các chương trình tập luyện ngoại khóa của nhà trường dành cho sinh viên				

Câu 13 : Thầy (cô) hãy đánh giá mức độ ảnh hưởng của các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập môn GDTC của sinh viên được đề xuất.

<b>Stt</b>		<b>Mức độ ảnh hưởng</b>			
		<b>Rất ảnh hưởng</b>	<b>Ảnh hưởng</b>	<b>Ít ảnh hưởng</b>	<b>Không ảnh hưởng</b>
1	Tăng cường và cải tiến nội dung chương trình cho phù hợp với đặc thù của sv và điều kiện thực tiễn của trường.				
2	Cải tạo, nâng cấp sân bãi, bổ sung dụng				

	cụ phục vụ cho công tác giảng dạy và hoạt động TĐTT				
3	Tổ chức nhiều chương trình ngoại khóa nâng cao chất lượng rèn luyện TĐTT của SV				
4	Đổi mới phương pháp giảng dạy cho sinh động, hấp dẫn để nâng cao tính tích cực trong giờ học của SV				
5	Nâng cao tinh thần trách nhiệm của GV trong quá trình giảng dạy				
6	Tăng cường giáo dục ý nghĩa mục đích của môn học GDTC cho sinh viên.				
7	Rèn cho sinh viên ý thức tự giác, nỗ lực, ý chí vượt khó trong từng giờ học GDTC				
8	Rèn cho SV phương pháp tự học, tự rèn luyện thân thể, tăng cường tập luyện TĐTT ngoại khóa.				

Câu 14 : Trong quá trình giảng dạy GDTC, thầy cô thường gặp những khó khăn và thuận lợi gì, vì sao?

.....  
.....  
.....

Câu 15: Thầy (cô) có kiến nghị, đề xuất gì với Nhà trường, Khoa GDMN, tổ GDTC để nhằm nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên?

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

## **PHIẾU PHÒNG VẤN**

*(Dành cho sinh viên)*

Câu 1: Theo em, Giáo dục thể chất có vai trò như thế nào đối với sự phát triển bản thân?

Câu 2: Em thấy bản thân mình có tích cực học tập môn GDTC không, vì sao?

Câu 3: Theo em, cần những điều kiện nào để giúp SV tích cực trong giờ học GDTC?

Câu 4: Em đánh giá có những yếu tố nào ảnh hưởng đến sự tích cực học tập môn GDTC của bản thân và các bạn?

Câu 5: Trong quá trình học tập môn GDTC, bản thân e có khó khăn và thuận lợi gì, vì sao?

Câu 6: Để bản thân tích cực trong giờ học GDTC, em cần làm gì?

Câu 7: Em có đề xuất gì để nâng cao tính tích cực học tập môn GDTC cho bản thân và các bạn?

## **PHIẾU PHÒNG VẤN**

*(Dành cho giảng viên)*

Câu 1: Theo thầy (cô), vì sao môn GDTC có vai trò rất quan trọng đối với sinh viên?

Câu 2: Theo thầy (cô), tính tích cực học tập ảnh hưởng như thế nào tới kết quả học tập của SV?

Câu 3: Theo thầy (cô), SV trường CĐSP Đắk Lắk có tích cực trong giờ học GDTC không?

Câu 4: Theo thầy (cô), cần những điều kiện nào để giúp SV tích cực trong giờ học GDTC?

Câu 5: Thầy (cô) đánh giá có những yếu tố nào ảnh hưởng đến sự tích cực học tập môn GDTC của SV?

Câu 6: Trong quá trình giảng dạy môn GDTC, thầy (cô), có khó khăn và thuận lợi gì, vì sao?

Câu 7: Để SV tích cực trong giờ học GDTC, thầy (cô) cần làm gì?

Câu 8: Thầy (cô) có đề xuất gì để nâng cao tính tích cực học tập môn GDTC cho SV?